



Xét về mặt kỹ pháp tạo hình, tập hợp tượng gốm đất nung này tiếp thu phần lớn kỹ thuật dựng hình của loại gốm đất nung Cây Mai mà ngày nay còn tìm thấy nhiều di tượng ở vùng Phú Lâm, Phú Định (TP. Hồ Chí Minh). Tuy vậy, trong quá trình phát triển chúng vẫn chưa đạt được trình độ chuyên nghiệp của tượng sành men màu Cây Mai. Do vậy, tập hợp tượng gốm đất nung này có thể được coi như kết quả của quá trình “xã hội hoá” của nghệ thuật tạo tượng chuyên nghiệp. Nói cách khác, chúng là tập hợp tượng do đội ngũ người làm gốm bán chuyên nghiệp nào đó, nổi bật là ông sư *Diễn* (ở Hóa An), ông Mười Ảnh, ông Mười Hoảng ở Tân Vạn. Mặt khác, cũng có thể vì do sự thoả thuận với người Hoa ở Chợ Lớn: ở Biên Hòa “không sản xuất gốm Cây Mai nữa” nên thợ gốm chuyên nghiệp Cây Mai ở Biên Hòa vì sự thoả thuận này đã chuyển từ việc sản xuất các mặt hàng “công nghệ miếu vũ” men màu sang sản xuất tượng đất nung hầm non theo đơn đặt hàng của các chùa. Về khía cạnh kinh tế sản phẩm bán chuyên nghiệp này có giá thành rẻ hơn tượng sành men màu Cây Mai nên phù hợp với khả năng tài chính của chùa.



Trong quá trình đến chùa làm tượng họ đã “truyền nghề” cho các sư sãi và các thợ phụ tại chỗ. Chính sự có mặt của đội ngũ thợ gốm Cây Mai ở Biên Hòa vào những năm 1920 -

1930, đã ảnh hưởng chừng mực nào đó đến các thầy dạy nghề gốm ở Trường Mỹ nghệ bản xứ Biên Hòa.

HUỲNH NGỌC TRẮNG



## Chương II

# 100 NĂM TRƯỜNG CAO ĐẲNG - MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI 1903 - 2003



TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI

Suốt một thế kỷ tồn tại và phát triển, Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai đã thay tên nhiều lần do nội dung đào tạo điều chỉnh theo từng thời kì:

- 1 École professionnelle de Bienhoa  
(1903 - 1913)  
Trường Dạy nghề Biên Hòa (còn gọi là  
Trường Bá nghệ Biên Hòa)**
- 2 École d'Art indigène de Bienhoa  
(1913 - 1944)  
Trường Mỹ nghệ bản xứ Biên Hòa**
- 3 École des Arts appliqués de Bienhoa  
(1944 - 1955)  
Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa**
- 4 Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa  
(1955 - 1964)**
  
- 5 Trường Kỹ thuật Biên Hòa  
(1964 - 1976)**
- 6 Trường Phổ thông công nghiệp Đồng Nai  
(1977)**
- 7 Trường Trung học Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai  
(1978 - 1998)**

Tựu trung có ba giai đoạn: trường dạy nghề(1903-1964), trường trung học (1964-1998) và trường cao đẳng (1998-tới nay) có những giai đoạn chuyển tiếp xen kẽ.



## 1 - Trường DẠY NGHỀ BIÊN HÒA (1903 – 1913)

Đầu thế kỷ 20, nền thống trị của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương tương đối ổn định, họ bắt đầu lần lượt cho mở các Trường dạy nghề (école professionnelle) – mà nhân dân quen gọi là **trường bá nghệ**. Trên đất Nam kì, có Trường *Bá nghệ* Sài Gòn, Trường *Bá nghệ* Thủ Dầu Một, Trường *Bá nghệ* Biên Hòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 1902, Hội đồng hàng tỉnh Biên Hòa ra nghị quyết mở Trường dạy nghề Biên Hòa theo đề nghị của ông Chesne, quan Chánh tham biện tỉnh Biên Hòa, trực tiếp quản lí trường – làm nhiệm vụ của hiệu trưởng. Dự kiến trường có các ban sau:

Ban thứ nhất: Vẽ trên giấy, trên gỗ, tô chữ trang trí sách vẽ hình họa.

Ban thứ hai: Điêu khắc gỗ, khảm, khắc trở, làm đàn, nữ trang.

Ban thứ ba: Đan, lát, đồ vật làm bằng cây cọ, song mây, cối và tre.

Ban thứ tư: Thủy tinh, đồ sành, đồ gốm, đồ chơi giá trị không cao.



phòng học Trường Mỹ nghệ Biên Hòa vào thời kỳ đầu

Hội đồng hàng tỉnh bổ sung nghề *đúc đồng* truyền thống của Biên Hòa. Dự kiến trên không được sự tán thành hoàn toàn của cấp trên là Thống đốc Nam kì vì không thể thành lập một trường tương tự như Trường *Bá nghệ* Thủ Dầu Một. Các ngành nghề chỉ được dạy ở một trong hai trường.

Thống đốc Lamothe ca ngợi nhất là ngành rèn, làm sườn (nhà, tàu...), nề, đẽo đá, đóng xe (1). Vì ở gần đường sắt, Trường *Bá nghệ* Biên Hòa nhường cho trường Thủ Dầu Một các nghề: Điêu khắc gỗ, khảm đồ gỗ quý, thêu trên lụa, đan ...

Trường Dạy nghề Biên Hòa khai giảng lần đầu tiên vào ngày 15/3/1903 trong khuôn viên tòa bố (2). Trường tọa lạc ở khu đất ngang 50 mét, rộng (sâu) 43 mét, ngay phía sau bên trái tòa bố với một dãy nhà

ngang trông ra bùng binh đường giao thông một chiều (sens unique). Dãy nhà dài 34 mét, rộng 10,5 mét dùng làm các lớp học. Các năm 1904, 1905, người ta xây thêm một chái nhà dài 27 mét, rộng 3, 5 mét để ngăn cách trường với tòa bố; một dãy nhà dài 40 mét rộng 14 mét quay vào sân trường, nằm vuông góc với các lớp học cho trước. Các dãy nhà và chái nhà đều lợp ngói móc, thấp theo kiểu xưa. Cổng trường nằm sau lưng tòa bố, ngó sang phải là nhà thờ Biên Hòa. Ở bên kia đường là thửa đất xây căn nhà cho viên hiệu trưởng và gia đình cư ngụ. Nhà được kiến trúc kiểu Pháp với nền cao, cửa trước xây lục giác để che mưa nắng.

Ngay phía trước trường, sát bùng binh là *lò rỗng* dài 25 mét nung đồ gốm; sau này lò dời về khu đất cạnh đài Kỷ niệm. Khi lò rỗng dỡ bỏ, người ta xây phòng trưng bày sản phẩm (musée) trên nền lò cũ.

Trường Dạy nghề Biên Hòa thành lập nhằm mục đích: Đào tạo thợ, khi người đó trở về làng có thể tận dụng được tài nguyên thiên nhiên phong phú của tỉnh (gỗ, song mây, tre, đất sét ...) Cải tiến một số ngành nghề truyền thống của địa phương nay hầu như mai một như nghề đúc đồng và gang ... trong khi ấy ngành nghề đó đã phát triển mạnh ở Bắc kì mà chúng ta thấy các đồ bằng đồng đẹp ở Hội chợ triển lãm Hà Nội.

(1) Chỉ có xe ngựa, chưa có ô tô. (BBT chú thích)

(2) Nơi quan cai trị làm việc, sau này gọi là dinh tỉnh trưởng (BBT chú thích)



Phòng trưng bày (Musée) đã sửa lại vào những năm 1980 (nay đã được di dời lên văn miếu Trăn Biên)

Các nhà cai trị cố gắng duy trì các lớp học nghề dưới dạng thực hành và hướng các học trò ra trường không có ý tìm một chỗ làm công chức nhà nước.

Ngoài giờ học chính khóa ban ngày, học trò còn phải theo học lớp đàm thoại tiếng Pháp và phép tính nhằm buổi tối từ 6 giờ đến 7 giờ 30 đặt dưới sự giám sát của ông Hiệu trưởng trường tỉnh lỵ. Thoạt đầu, trường có 4 ban:

- Ban *Đan lát* ( dùng song, mây, tre )
- Ban *Gỗ* (điều khắc gỗ, tiện gỗ, mộc xây dựng và mộc dân dụng)
- Ban *Đúc đồng* ( thiết kế theo phương pháp của Bắc Ninh)
- Ban *Vẽ* ( để tài bản xứ cho điều khắc gỗ và đúc đồng )

Ban *Sắt* chưa được Hội đồng hàng tỉnh chấp thuận nhưng các năm 1903, 1904 nhà trường vẫn tuyển sinh.

Các học trò vào học nhỏ nhất 12 tuổi và

lớn nhất 18, có *học bổng gia đình* mỗi suất 4p 50 (P: đồng Đông Dương ) do làng xã cấp. Trường cũng nhận học trò tự do (đi học tự túc).

Tháng 8 năm 1903 có 55 em, cuối năm 1903 có 64 học sinh. Kinh phí của trường do ngân sách tỉnh và các làng đài thọ. Năm 1903 chi phí cả thầy 6525,28 đồng

Tháng 4/1905, ông Chesne ban hành *Qui chế* của trường có một số điểm đáng chú ý:

- Hợp thức hóa ban *Sắt*: gò, hàn, đóng móng ngựa.
- Thời gian học là 4 năm. Hai năm đầu học sinh học luân phiên các ban, 2 năm sau chỉ học một ban do học sinh chọn.

- Mỗi ngày học sinh học thêm chữ Nho. Như vậy, các em học nghề, học tiếng Pháp (đủ giao dịch), học tính nhẩm và học chữ Nho.

Trường có 76 học trò, tuổi nhỏ nhất là 13, lớn nhất 17. Ông Roth, người Âu phụ trách ban *Sắt*. Còn các ban khác đều do đốc công người Việt và người Hoa giảng dạy theo phương pháp xưa; phụ giảng có các học trò đốc công (élèves contre-maitres).

Tháng 9/1906, ông J. Lamorte , kỹ sư công nghệ, một nhà doanh nghiệp được mời về làm *nhà điều hành kỹ thuật* (directeur technique)<sup>(1)</sup>. Ông phụ trách chương trình giảng dạy, đặc biệt ông dạy các môn chung. Trong năm này trường có tuyển sinh ban *Gốm*.

Tháng 3/1907, ông Maspéro, Tỉnh trưởng Biên Hòa, tổ chức lại nhà trường và ban hành *qui chế* mới. Một số điểm đáng chú ý trong *Qui chế*:

- Lập *Hội đồng quản trị* điều hành trường.
- Hợp thức hóa ban *Gốm*.
- Mở thêm ban *Nữ công gia chánh*. Lúc đầu ban Nữ công gia chánh chỉ có các môn cắt, may, thêu đan, dệt thảm, sau thêm môn giặt ủi và nội trợ. Bà Buard phụ trách ban Nữ công gia chánh.

Năm này trường có 118 học sinh theo học, tuổi nhỏ nhất 13, lớn nhất 17, các em chỉ cần biết đọc, biết viết

1) Người ta thường dịch là hiệu trưởng và không dả động đến từ technique. Theo các qui chế, qui định thì quan cai trị chủ tỉnh (administrateur. chef de province) mới thực sự nắm quyền hiệu trưởng chỉ đạo mọi mặt trong trường như bây giờ ta biết, đứng đầu một hội đồng quản trị gồm nhiều thành phần khác nhau. (BBT chú thích)



Năm này trường có 118 học sinh theo học, tuổi nhỏ nhất 13, lớn nhất 17, các em chỉ cần biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Số học trò đốc công lên đến 12. Chi phí năm 1907 là 11840 p.00.

Năm 1908, ông J. Lamort bận kinh doanh nên xin nghỉ. Ông A. Joyeux, kiến trúc sư, thanh tra xây dựng dân sự, thanh tra các trường Mỹ thuật bản xứ thay thế kể từ tháng 8/1908. Trong thời gian này trường mời một viên quan hai thầy thuốc quân đội bản xứ đến giảng dạy hàng tuần môn *vệ sinh cơ bản*.

Năm 1909, chi phí lên tới 17615 đồng vượt quá khả năng tài chính của tỉnh. Căn cứ kết quả đạt được của một số ban và báo cáo của ban Thanh tra ngày 25/5/1909, tỉnh giải thể ban Sát, Đan lát, Gỗ và Vẽ kể từ ngày 1/1/1910. Ngày 17.5.1912, do yêu cầu về nhu cầu của xã hội trong tỉnh, ban Gỗ được mở lại.

Ngày 29/8/1912, theo nghị quyết của Hội đồng tỉnh, ban Nữ công gia chánh tách ra khỏi trường dạy nghề, thành lập một trường riêng, lấy tên là Trường *Nữ công gia chánh*, trụ sở nay là Trường Nguyễn Bình Khiêm, đối diện Bệnh viện tỉnh, tồn tại đến năm 1975.

Tháng 9/1913, ông Chánh tham biện (tức Tỉnh trưởng) Krautheimer ra *Quyết định tổ chức lại* nhà trường, đặc biệt nêu rõ mục đích lập trường:

*"Trường Dạy nghề Biên Hòa là một trường MỸ NGHỆ THỰC HÀNH, có mục đích đào tạo ra các thợ lành nghề và khéo tay cho các nghề Đúc đồng và trạm trở đồ đồng và các kim loại khác, nghề Gốm, nghề Mộc dân dụng, Mộc xây dựng và Điêu khắc gỗ". Trường gồm có 3 ban:*

*Ban Đúc đồng và chạm trở*

*Ban Gốm*

*Ban Gỗ*

*Mỗi ban có 15 học sinh không kể học sinh tự do, chia ra 3 năm học, mỗi năm một lớp. Học sinh phải học 2 môn chung là vẽ và nặn. Nhà điều hành kỹ thuật bắt buộc phải dạy 2 lớp vẽ hay nặn mỗi tuần cho mỗi ban. Các lớp vẽ nặn không được ngưng vì bất cứ lý do gì, các ngày khác, đốc công trông coi và sửa bài cho học sinh. Tuổi vào học nhỏ nhất là 13 và không quá 16, trình độ văn hóa sơ học của trường làng xã. Trong thời gian học tập ở trường, học sinh được học văn hóa phổ thông tương đương với chương trình làng xã, đặc biệt chú ý đến chữ quốc ngữ và số học. Ngoài ra học sinh còn phải theo học lớp của người lớn vào các buổi tối dưới sự quản lý ông hiệu trưởng "tính lệ".*

Thành quả thu được trước hết phải kể đến công lao của ông Maspéro. Sự cải tổ năm 1907 do ông đề xướng đánh dấu sự sáng tạo bằng cách đưa vào việc hướng dẫn kỹ thuật. Ông J. Lamorte rồi ông A. Joyeux đã loại bỏ phương pháp cổ xưa đôi khi đáng nực cười của các đốc công người châu Á, thay thế bằng sự hướng dẫn kỹ thuật làm *thúc tỉnh sự sáng tạo và trí thông minh của học sinh*.

Các học trò khóa đầu tiên tiếp thu ít nhất một năm sự hướng dẫn của hai ông Lamorte và Joyeux trước khi nhận bằng tốt nghiệp. Sự tiến bộ rõ rệt của học sinh thời kỳ đầu đã làm rạng danh các thầy cô giáo người Pháp.

Trong thời gian ngắn này, học trò có trình độ tay nghề cao hơn các đốc công châu Á và do đó chúng dần dần thay thế các đốc công đó. Thực tế tính đến tháng 8/1912 chỉ còn một đốc công người Hoa dạy ban Gốm, một cựu học sinh Việt Nam thay thế ông này trước ngày 1/1/1913.

Trường dạy nghề Biên Hòa đã hoàn thành xuất sắc vai trò lịch sử buổi đầu, vạch hướng đi độc đáo làm mỹ nghệ thực hành để tồn tại và phát triển. Trong khi đó, một số trường dạy nghề khác lần lượt giải thể.



## 2 - TRƯỜNG MỸ NGHỆ BIÊN HÒA (1913 – 1964)

Khoảng năm 1913, Trường Dạy nghề Biên Hòa đổi thành Trường *Mỹ nghệ bản xứ Biên Hòa* (école d'Art indigène de Bienhoa) phù hợp với quyết định ngày 11/9/1913 của ông Tỉnh trưởng Krautheimer, được ông Thống đốc Nam kỳ duyệt ngày 22/9/1913.

Năm 1916, thời gian học tập sửa đổi lại là 4 năm thay vì 3 năm và chia thành 4 lớp học.

Năm 1918, ông A. Joyeux bận nhiều công việc chuyên môn nên xin nghỉ. Ông Serré, giáo viên Gốm thay thế điều hành việc dạy và học. Ông Serré cũng cố thêm các điều ông Joyeux đề xướng. Ông Serré chú trọng đến ban Gốm.

Hàng năm nhà trường đều có sản phẩm trưng bày tại hội Mỹ thuật Sài Gòn (Société des Beaux – Arts de Saigon), tham dự triển lãm Hà Nội và các nơi trong và ngoài nước. Dưới sự điều hành của ông Serré, năm 1922, tại Hà Nội, các sản phẩm xinh xinh bằng đồng, bằng gốm của phái *tân học* Biên Hòa đã được dân Hà Nội khen ngợi hết lời. Năm 1921, ông Thống đốc Nam kỳ đã phải ứng trước 600 đồng cho tỉnh Biên Hòa để mua những voi, cóc, rùa ... bằng đồng, các chậu hình ô van, lục giác, lan can ... bằng gốm đem đi triển lãm ở Hội chợ Marseille

năm 1922. Qua các kì triển lãm, nhà trường nhận được nhiều hợp đồng đem về trường để giải quyết công ăn việc làm cho số học sinh tốt nghiệp.

Năm 1923, chính phủ Pháp bổ nhiệm hai chuyên viên: ông Balick tốt nghiệp Trường Mỹ thuật trang trí Paris, làm hiệu trưởng – có quyền hạn như bây giờ - và bà Mariette, tốt nghiệp Trường Gốm Limoges, phụ tá.

Về các ban chuyên môn, ông bà Balick chỉ giữ lại hai ban truyền thống, đó là ban Đúc đồng và ban Gốm.

Ban Gỗ chạm khắc gỗ quý giao cho Trường Dạy nghề Thủ Dầu Một. Ngoài ra còn bộ môn Đá – đá Ang Kor phục chế, ít tuyển sinh, năm có năm không.

Ông Balick đứng đầu ban Đúc đồng với 3 đốc công bản xứ và 21 học trò. Bà Balick đứng đầu ban Gốm, có 1 đốc công bản xứ và 12 học trò. Ban Gỗ có 7 học trò. Ngoài ra các ban còn có *huấn mi viên* (thợ huấn luyện nghệ, nếu là ngành thể thao thì gọi là *huấn luyện viên*) giúp việc.

Thời gian học là 4 năm: 2 năm đầu học các môn cơ bản và luân phiên các ban. 2 năm cuối học chuyên ban. Học trò vào học phải có trình

độ sơ học (lớp ba). Các em được học tiếp chữ Nho, chữ quốc ngữ, toán, tiếng Pháp. Từ năm 1940, các em qua học văn hóa ở trường nam tiểu học (nay là trường tiểu học Nguyễn Du) mỗi ngày 1 giờ, vào giờ chót buổi học do thầy giáo trường này dạy.

Ngoài các học trò tự do, tất cả các em khác đều có học bổng từ 4 đồng đến 7 đồng mỗi tháng. Sau khi tốt nghiệp, học sinh được thu nhận vào lớp *hoàn thiện*, thời gian là 3 năm, lương từ 20 đồng đến 30 đồng mỗi tháng (bằng gần 1 tấn gạo theo thời giá).

Ngoài số học sinh do trường tuyển, trường còn nhận học sinh có năng khiếu về đúc đồng và gốm do Trường Mỹ nghệ Gia Định chuyển lên. Từ năm 1927, các Trường Mỹ nghệ Gia Định, Thủ Dầu Một và Biên Hòa qui định năm đầu gọi là năm *dự bị*. Một số học sinh năm dự bị của trường Gia Định, chuyển lên trường Biên Hòa vào luôn năm *thứ nhất* (thực ra là *năm thứ hai*)

Chương trình học của 2 ban như sau:

1. Các môn học cơ bản:

- Vẽ: vẽ vật để trước mắt, vẽ theo kiểu, vẽ kích thước, vẽ hình học, vẽ trang trí.



Học sinh của trường



- Nắn: nắn theo mẫu tự nhiên: côn trùng, hoa lá, động vật nhỏ.

2- Chuyên ngành của 2 ban như sau:

### 2.1- Ban Đúc đồng

Ông Balick áp dụng phương pháp *nấu chảy lỏng sáp* theo qui trình:

a/ Đổ mẫu sáp – Làm nguội mẫu sáp – Gắn đạo .

b/ Làm khuôn đất:

Có 2 loại đất.

- Đất số 1: Than, đất chín nhuyễn, giấy bạch, đất sét trắng trộn chung nhào cho kỹ, bao bọc mẫu sáp, độ dày 1 ly, mục đích để giữ chi tiết.

- Đất số 2: Đất gò mối, đất chín rây to, trấu trộn chung rồi đập cho dẻo, bọc bên ngoài đất số 1, độ dày 3 phân, mục đích lớp đất số 2 là chịu lửa.

Như vậy đã làm xong khuôn đất bao bọc sản phẩm sáp.

c/ Nung khuôn cho chảy sáp ra, khi nào khuôn đổ thì mức đồng rót vào. Đập vỡ khuôn đất, lấy sản phẩm đồng ra và làm nguội.

d/ Mạ đồng: Có các màu đen, nâu, vàng lợt, vàng đậm, xanh lợt, xanh cũ kỹ.

Ví dụ mạ màu đen: chấm dung dịch Welminck lên sản phẩm 3 lần, cách nhau 2 giờ. 24 giờ sau lấy xira (màu đen) đánh lên sẽ đen bóng.

Phương pháp mạ đồng do ông Balick truyền dạy cho học sinh.

### 2.2 - Ban Gốm

Học trò học các môn: xoay, chạm khắc, chấm men, in và nặn.

Bà Balick vạch cho ban Gốm hướng đi riêng. Đó là sản phẩm gốm trang trí nhiều màu, chạm khắc chi tiết các hoa văn đặc sắc, nhiều màu men lạ mắt tạo cho gốm của trường sắc thái riêng, khác hẳn gốm dân dụng Tân Vạn và Lái Thiêu của các lò người Hoa.

Trước đây, ông Joyeux đã nghiên cứu dùng men Pháp chấm lên sản phẩm gốm nhưng không thành công.

Bà Balick cùng các đốc công bản xứ, dùng nguyên liệu nội địa, chủ yếu là tro rơm, tro lò, miếng (thủy tinh), cát Đà Nẵng, vôi Càn Long ... làm men. Đất làm sản phẩm là *đất chịu lửa cao* khai thác ở Đất Cuốc ( Tân Uyên ), Chánh Lưu (Thủ Dầu Một) ... Trải qua nhiều thử nghiệm, cuối cùng bà tìm ra loại men tro phù hợp mà dân làm gốm gọi là *men ta*. Với mặt đồng thu được khi hoàn thiện đồ đồng, bà chế được màu xanh đồng "*Vert de Bienhoa*" đẹp, nổi tiếng thế giới như *Vert d'Islam* trong các công trình kiến trúc của đạo Hồi. Với đá ong Biên Hòa, bà chế ra men đá đỏ rất đẹp ... Men Pháp thường là men nhẹ độ hay trung độ ( 1150<sup>0</sup>C – 1200<sup>0</sup>C) không thể đẹp bằng men tro cao độ (1280<sup>0</sup>C) của Viễn Đông. đốt bằng củi tao ra hỏa biến nên ít men nào sánh kịp. Hơn nữa đồ gốm khi ra lò có khuyết tật, bà Balick cho đập bỏ không thương tiếc. Do đó trong các Hội chợ triển lãm sau này, đồ gốm Biên Hòa được đánh giá rất cao. Khách hàng đánh giá men Biên Hòa có chiều sâu, càng nhìn càng thấy đẹp.

Lò ống (*lò rồng*) đầu tiên xây ngay phía trước trường để nung sản phẩm gốm. Do sản xuất phát triển, lò nung hoạt động gây ô nhiễm môi trường cho nhà thờ và toà bố. Để phù hợp với qui mô đào tạo và sản xuất, trường xin thêm một khu đất diện tích 9100m<sup>2</sup> cách trường khoảng 1 cây số để làm trường nhánh ( *trường ngoài* – cơ sở 2) hiện nay là cơ sở Trường Cao đẳng



Thầy và trò đang đúc đồng khoảng năm 1930



Một thầy đang sửa , làm ten đồng



Các thầy đang họp





Lò nung của trường ( những năm 1980)

đảng Mỹ Thuật Trang trí. Khu đất này lúc đầu bao gồm cả trường tiểu học Trịnh Hoài Đức sát bên cạnh. Học trò học tại trường chính, chỉ khi rớt đồng hay nung gốm mới đi trường nhánh. Từ năm 1960 trở đi, học sinh ban Gốm học chuyên môn tại trường nhánh, chỉ khi học bàn xoay máy (5 cái lắp năm 1955) mới về trường chính.

Vào khoảng năm 1930, tại trường nhánh xây 2 lò gốm: một lò tròn đường kính 5m có ống khói cao, tròn bằng gạch không tô dùng để nung non (nung sơ) gần rào phía sau (đối diện kí túc xá bây giờ); một lò ống dài 35m, xưởng thợ và mái che lò có kích thước 69x9m, vị trí là xưởng gốm ngày nay, hoạt động tốt cho đến năm 1997. Lò này gọi là lò nhỏ.

Năm 1936, do các hợp đồng nhiều lên, trường xây thêm lò gốm ống dài 40m, mái che lò và chỗ thợ làm việc có kích thước 66 x 7m, lò này nằm bên phải song song với lò nhỏ (đầu lò ở khoảng các văn phòng hiệu phó bây giờ). Lò này sau gọi là lò lớn hoạt động không hiệu quả nên từ năm 1941 trở đi chỉ dùng để in và hãm ống khảm (bao nung).

Xưởng nấu đồng cũng được dời về trường nhánh nhưng chặm hơn so với lò gốm. Kích thước xưởng 16 x 14m chỉ dùng để nấu đồng, rót đồng vào khuôn. Vị trí ở phía sau dãy văn phòng khoa.

Năm 1925, trường được mời tham dự Hội chợ quốc tế Paris. Ông bà Balick chọn sản phẩm đúc đồng gồm đồ chạm trổ và đúc như: cúp, gạt tàn, cái chặn giấy, bình và tượng nhỏ bằng đồng, đồ đồng mỹ thuật ... Về gốm có: các loại bình trang trí, gốm treo tường, bình đựng nước, các loại bệ, tượng ... Gian hàng do bà Balick điều hành, khách ra vào tấp nập. Bà vừa bán hàng vừa giải thích bộn rộn cả ngày. Giới chuyên môn đánh giá cao đồ sành Biên Hòa. Chính phủ Pháp tặng Bằng khen danh dự, ban tổ chức tặng thưởng Huy chương vàng.

Cũng như Hội chợ triển lãm Marseille, trường kí được nhiều hợp đồng tạo công ăn việc làm cho học sinh.

Năm 1932, nhà trường tham dự Hội chợ triển lãm quốc tế Paris lần 2, lần này ngoài việc đã chuẩn bị kỹ các sản phẩm đồng và gốm, ông bà Balick còn cho trình diễn sống phương pháp tạo dáng gốm. Hai đốc công gốm bản xứ bàn xoay tay và dụng cụ ... đi cùng. Họ xoay tay khéo léo, nhanh gọn, đẹp mắt trước đông đảo khiến thành phố Pari và du khách các nước ngợi khen nhiệt liệt. Đây là một bất ngờ trong hội chợ, bà Balick phải trả lời hàng trăm câu hỏi từ tạo hình, chạm khắc, chặm men, nung lò ... Hàng bán hết veo, nhiều món đã trả tiền nhưng người mua chỉ nhận hàng khi bế mạc Hội chợ. Hợp đồng kí được nhiều, ngoài ra bộ Thương mại Pháp còn đề nghị làm đại lý cho trường ở Paris. Nhà trường rất vui mừng về sự thành công rực rỡ này. Lần này nhà trường cũng được tặng thưởng Huy chương vàng và Bằng danh dự. Để khuyến khích, tặng thưởng công lao nhà trường trong đào tạo và sản xuất qua các kì triển lãm ở "mẫu quốc", chính phủ Pháp trao tặng lò điện thí nghiệm, máy nghiền tán và một số thiết bị khác cho trường.

Năm 1933 trường tách các lớp hoàn thiện ra để thành lập Hợp tác xã Mỹ nghệ thủ công của thợ gốm và thợ đúc đồng Biên Hòa ( La Société coopérative artisanale des potiers et fondeurs de Bien Hoa ). Học sinh tốt nghiệp gia nhập sau 1 năm thực tập thì được công nhận là thợ.

Cùng với việc thành lập Hợp tác xã, trường xây dựng một phòng trưng bày (musée) kích thước 25 x 8m ngay trên nền lò gốm đầu tiên tại trường chính để trưng bày sản phẩm.

Từ năm 1938, về sau, nhà trường bổ sung thêm một số môn vẽ như: vẽ thủy mặc, vẽ viễn vọng và trang trí thực dụng.

Năm 1944, trường đổi tên là Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa (École des arts appliqués de Bienhoa). Ông bà Balick về Pháp, ông Trần Văn Ôn, giáo viên nặn thay thế. Do các biến cố năm 1945 (Nhật đảo chính Pháp, Cách mạng tháng Tám thành công, quân Pháp tái chiếm Biên Hòa ...) , ông Võ Kim Đồi, giáo viên gốm lên làm hiệu trưởng. Hợp tác xã Mỹ nghệ tan rã, sau đó ông Trương Văn Chỉ gây dựng lại về mỹ thuật cũng như về hành chánh. Ngày 10/10/1946, ông Chỉ được chính phủ Pháp tặng "Huy chương danh dự hạng nhì bằng bạc"

Năm 1948, ông bà Balick từ Pháp trở lại Việt Nam tiếp tục vai trò hiệu trưởng. Năm 1950, ông bà về Pháp và không trở lại Việt Nam nữa. Ông Trần Văn Ôn một lần nữa thay thế chức vụ hiệu trưởng của ông Balick.



Năm 1950, Hợp tác xã Mỹ nghệ tách hẳn ra khỏi trường để trở thành một đơn vị sản xuất và kinh doanh độc lập, cơ sở chính là xưởng thợ và lò nhỏ, khu khoa Gốm ngày nay.

Từ Trường Mỹ nghệ bản xứ đến Trường Mỹ nghệ thực hành, học sinh không đông. Năm 1944 có 75 học sinh là nhiều nhất, năm 1955 có 46 em, số thầy cô giáo kể cả hiệu trưởng là 10; văn phòng (tùy phái, gác đan ...): 4.

Về việc học tập chương trình phân chia hàng tuần như sau:

MÔN HỌC	NĂM DỰ BỊ	ĐỆ NHẤT NIÊN	ĐỆ NHỊ NIÊN	ĐỆ TAM NIÊN
- Vẽ	22 giờ	18 giờ	14 giờ	12 giờ
- Nặn	11	10	12	10
- Kỹ thuật (xưởng)	4	9	11	15
- Giáo khoa tổng quát	5	5	5	5
- Thể dục	3	3	3	3
	45 giờ	45 giờ	45 giờ	45 giờ

Kể từ năm 1947, Hội đồng thi lên lớp và tốt nghiệp mở rộng vai trò của tỉnh, cụ thể gồm: tỉnh trưởng hay đại diện, nghị viên Nam Việt, thanh tra tiểu học hàng tỉnh, hiệu trưởng, giáo viên đương chức và đã về hưu ... Hơn nữa ông hiệu trưởng còn phải gửi lên sở Học chánh bản tóm tắt (đề cương) chương trình kì thi.

Năm 1955, ông Trần Văn Ôn về hưu, ông Trương Văn Chỉ thay thế.

Ngày 7/5/1955, Thủ tướng chính phủ Sài Gòn xếp các Trường Mỹ nghệ thực hành Gia Định, Biên Hòa và Thủ Dầu Một vào loại trường có *xưởng kỹ nghệ đặc biệt* và kể từ ngày 20/9/1955 học sinh muốn vào học phải có bằng tiểu học hoặc tương đương và qua một kì thi.

Năm 1956, trường trực thuộc Nha Kỹ thuật và Mỹ thuật học vụ (Bộ Giáo dục Sài Gòn). Ông Nguyễn Văn Thâu, tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, được bổ nhiệm giữ chức hiệu trưởng thay thế ông Chỉ ra dạy lớp.

Năm học 1956 – 1957, trường thành lập thư viện bao gồm các tài liệu về vẽ, điêu khắc, kỹ thuật gốm, đúc đồng, đá Angkor, lịch sử Việt Nam ...

Ngày 21/3/1957, ông Bộ trưởng Giáo dục Sài Gòn ủy quyền cho Nha Kỹ thuật và Mỹ thuật học vụ kí văn bằng tốt nghiệp của học sinh trường, công việc trước đây đều do tỉnh làm.

Kể từ 1/7/1957, trường trực thuộc Nha Kỹ thuật và Mỹ thuật học vụ về phương diện chuyên môn. Còn về tài chính và hành chính, trường liên lạc thẳng với nha này không qua trường ty Học chánh. Như vậy tỉnh chấm dứt vai trò trực tiếp quản lí trường mọi mặt. Trong năm này trường mở thêm ban mới: ban Nặn và đến năm 1962 đổi tên là ban Điêu khắc.

Do có sự thay đổi nêu trên, chương trình học tập hàng tuần phải thay đổi thống nhất chung với các trường trung học chuyên nghiệp cấp 1 (trung học đệ nhất cấp):

1. Thể dục	2 giờ
2. Phổ thông	12 giờ
3. Vẽ	9 giờ
4. Nặn	9 giờ
5. Chuyên nghiệp	10 giờ
Cộng	<u>42 giờ</u>

Môn phổ thông và thể dục do Trường tiểu học Nguyễn Du phụ trách, sáng từ 10 giờ 30 đến 11 giờ 30; chiều từ 5 giờ đến 6 giờ ( giờ Sài Gòn) như thường lệ.

Năm 1958, ông Đan Hoài Ngọc tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, giảng viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn làm hiệu trưởng thay thế ông Nguyễn Văn Thâu.

Do ý kiến của ông thanh tra tiểu học hàng tỉnh về việc giảng dạy môn phổ thông tại trường Nguyễn Du, bắt đầu năm học 1958 – 1959, trường mở lớp dạy các môn phổ thông và thể dục tại trường .





Nhằm phát triển ngành gốm, chính phủ Sài Gòn đầu tư trước mắt bằng cách cử các cố vấn nước ngoài xuống giúp trường về mặt kỹ thuật và cử các giáo viên đi tu nghiệp nước ngoài.

Năm 1960, chính phủ Sài Gòn phái hai chuyên viên gốm Nhật Bản, ông Ishizuka và ông Mizuno cố vấn về men, xương đất và kỹ thuật xây lò. Ông Đặng Nhựt Thăng đi tu nghiệp ở Tây Đức từ 1/8/1960 đến 28/2/1961 về men gốm.

Năm học 1961 – 1962, ông Đặng Cẩm Hồng được Nha Kỹ thuật học vụ cử giữ chức vụ giám thị. Ông Lê Bá Đáng đi tu nghiệp ở Nagoya (Nhật Bản) từ 4/10/1961 đến 4/10/1962 về lò, xương đất và men. Ông chính là người sáng tạo gốm mỹ thuật hiện đại Biên Hòa đầu tiên ở miền Nam.

Năm 1962, ông Kato, chuyên viên gốm Nhật Bản thay thế các ông Ishizuka và Mizuno dạy về lý thuyết gốm. Ông Đặng Cẩm Hồng đi tu nghiệp tại Vierzon Pháp từ 11/9/1962 – 30/6/1963 về men gốm.

Học sinh đều tập trung học tại trường chánh, chỉ khi rớt đồng hay nung lò gốm mới vào trường nhánh, tuy nhiên từ năm 1960 về sau, học sinh ban Gốm giờ học chuyên môn học tại trường nhánh, khi học dùng bàn xoay máy ( 5 cái lắp năm 1955) mới trở lại trường chánh.

Qua các kì triển lãm trên đất Pháp, nhà trường trở nên nổi tiếng và được nhiều nước trên thế giới mời tham dự triển lãm quốc tế. Sau đây là các cuộc triển lãm nhà trường được tặng huy chương vàng và bằng danh dự

Năm 1934: Batavia ( Indonesia)

Năm 1938: Saint – Denis (Réunion - thuộc Pháp)

Năm 1937: Nayoga ( Nhật Bản), Paris ( Pháp )

Năm 1942: Sài Gòn

Năm 1938: Hà Nội

Năm 1956: Phnompênh ( Campuchia)

Triển lãm Hà Nội năm 1938, ông Nguyễn Văn Nhân còn được tặng bằng khen "Hạng đặc biệt" về tài năng điều chế men gốm.

Năm 1971, nhà sưu tập và nghiên cứu cổ ngoạn uyên bác Vương Hồng Sển nhận xét: "*Hiện nay trong xứ có một trường làm đồ gốm ở Biên Hòa và kể luôn ở Đà Lạt, và ở Lái Thiêu (Bình Dương), Thị Nghè và Biên Hòa có trên 40 lò sản xuất đồ gốm, đồ sành, có lò Thành Lễ (Bình Dương) từng gửi đồ chế tạo bán ra ngoại quốc, nhưng nói về phẩm chất thì đồ gốm, đồ sành ngày nay còn thua xa đồ thời Pháp thuộc của trường Mỹ nghệ Biên Hòa do Tây điều khiển*".



Sản phẩm của trường



### 3 - TRƯỜNG KỸ THUẬT BIÊN HÒA (1964 – 1975 )

Chiếu điều 30 Nghị định số 1607 – GD/BC/NĐ ngày 17/9/1964 của Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn ấn định qui chế các trường Trung học kỹ thuật thì kể từ năm học 1964 – 1965, Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa được đổi tên thành: “Trường TRUNG HỌC KỸ THUẬT CẤP I”

Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Kỹ thuật Biên Hòa là ông Lê Văn Mậu, một nhà điêu khắc, xuất thân từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (Hà Nội). Phụ tá hiệu trưởng là ông giám xưởng Trần Văn Cử, một giáo viên điêu khắc.

Mục đích của trường là đào tạo các chuyên viên, thợ chuyên môn. Dưới đây là các ban và giáo viên phụ trách của Trường Kỹ thuật Biên Hòa năm học 1964 – 1965:

- |                 |                     |
|-----------------|---------------------|
| - Ban Điêu khắc | Ông Võ Thành Ngôn   |
| - Ban Đúc đồng  | Ông Ung Văn Nam     |
| - Ban Gốm       | Ông Đặng Nhật Thăng |

Thời gian học 3 năm theo ba lớp: lớp 8, lớp 9, lớp 10. Vào học, học sinh được phân ban ngay, không học luân phiên các ban như Trường Mỹ nghệ thực hành.

Điều kiện vào học: phải có chứng chỉ học hết chương trình lớp 7 phổ thông, tuổi tối thiểu là 13 và tối đa 17 và phải qua một kì thi. Môn thi tuyển sinh có hai môn hình họa và vẽ trang trí nếu có cũng sơ sài, có lúc không thi hai môn kể trên.

Chương trình học hàng tuần cho cả ba năm như sau:

- Chuyên nghiệp ( công tác xưởng )	21 giờ
- Hội họa	8 giờ
- Phổ thông	11 giờ
- Thể dục	1 giờ
- Sinh hoạt học đường	1 giờ
Cộng	<u>42 giờ</u>

Về hội họa, học sinh học các môn *truyền chân* (hình họa),

*trang trí* và *vẽ phân độ* (phối cảnh), sau này thêm môn vẽ theo nghề riêng cho mỗi ban.

Về môn công tác xưởng (chuyên môn), môn học cũng như môn học của trường Mỹ nghệ thực hành nhưng chỉ học có 3 năm, nghĩa là thực hành ít hơn, tuy nhiên học sinh lớn hơn và có trình độ cao hơn. Khái quát như sau:

\* Ban Điêu khắc: Nặng loại con thú 2 chân, 4 chân, tượng bán thân, phóng tác và sáng tác các đề tài tự do. Chất liệu sử dụng thạch cao và đá nhân tạo (bột đá + xi măng + bột màu). Khuôn thì học khuôn giả và khuôn thật.

\* Ban Đúc đồng: thực hiện sản phẩm đồng từ dễ đến khó đều phải qua các giai đoạn: In sáp – Khuôn đất – Làm nguội đồng – Mạ.

\* Ban Gốm: In – Xoay – Trang trí – Chạm khắc – Chấm men và nung lò. Thực hiện các sản phẩm từ dễ đến khó.

Cuối năm lớp mười, những học sinh có điểm trung bình trở lên được Hội đồng giáo viên đề nghị miễn thi trung học kỹ thuật chuyên nghiệp đệ nhất cấp và được cấp văn bằng. Số còn lại phải qua một kì thi.



Tranh ghép Gốm của trường



Năm 1965, Nha Kỹ thuật cấp 2.500.000 đồng để xây cất tại trường nhánh, hai dãy lầu 1 tầng kích thước 28 x 9 mét và 44 x 9 mét và một nhà trệt sườn sắt kích thước 65 x 12, 50 mét dùng làm cơ xưởng. Tuy nhiên do lỗi nên nhà thiếu bỏ dở công trình .

Năm 1966, ông giám đốc nha Kỹ thuật chấp thuận cho ông Trần Văn Cừ xây cất tạm một căn nhà trong khu vực trường nhánh, diện tích 4, 60 x 14 mét, nay là căn nhà góc phải mặt tiền của khu đất trường

Năm 1967, Nha Kỹ thuật thỏa thuận với Trung tâm khuếch trương xuất cảng (Bộ Thương mại ) về việc tổ chức trung tâm huấn luyện sản xuất gốm Biên Hòa do trường quản lý. Trung tâm đã tuyển 9 thợ và 2 lao công để tiến hành sản xuất . Tuy nhiên công việc này không thành công và trung tâm tự giải thể .

Năm 1969, Nha Kỹ thuật cấp thêm tiền để hoàn tất đợt một trường nhánh và tiếp tục xây cất đợt hai. Cơ quan viện trợ Mỹ ( USA, ID ) đã sẵn sàng một số máy móc trị giá 60.000 đô la để yểm trợ đợt đầu cho việc trang bị các cơ xưởng của trường . Ngày 10/5/1969 khởi công đợt hai và kết thúc vào cuối năm 1969 .

Năm 1970, trường chính thức dời toàn bộ về trường nhánh cũ, trả cơ sở cũ (trường chính ) tồn tại từ năm 1903 cho tòa hành chánh tỉnh, chỉ giữ lại phòng triển lãm . Tuy nhiên máy móc các ban kỹ thuật vẫn nằm trong kho chờ. Trường vẫn là dạng trường Mỹ nghệ có lịch sử từ năm 1913 .

Năm 1970, trường tuyển nữ y tá theo chương trình *y tế học đường*, chăm lo sức khỏe cho học sinh và giáo viên, công nhân viên. Hàng tuần có bác sĩ đến khám bệnh. Ông Nguyễn Văn Bé thay thế ông Nguyễn Ngọc Bích làm giám thị . Ông Nguyễn Văn Thông và ông Nguyễn Hoàng Hoanh phụ trách phần văn hóa phổ thông và hội họa .

Kể từ năm 1965 trở đi, hầu hết các giáo viên tiểu học chuyên nghiệp đều được cải ngạch giáo viên chuyên nghiệp cấp hai thông qua các kì thi khả năng sư phạm trung cấp. Tính đến năm 1972, trường chỉ còn một số rất ít giáo viên chưa cải ngạch. Số học sinh khoảng 160 đến 170 học sinh.

Năm 1972, vào dịp gần Tết, trường cùng các xí nghiệp gồm bên ngoài tổ chức bán hàng Tết một tuần tại khuôn viên trường, khách đến mua nhiều như đi hội chợ, thành công ngoài dự kiến. Kể từ năm 1973, cứ dịp Tết đến dân Biên Hòa chờ đón mua hàng gồm của trường Kỹ thuật Biên Hòa, vừa rẻ, vừa đẹp về trưng Tết.

Năm 1973, trường có sự xáo trộn, ông hiệu trưởng Lê Văn Mậu xin chuyển về dạy hẳn ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Nha Kỹ thuật cử ông Nguyễn Văn Huyện, giáo viên chuyên nghiệp cấp 3 từng sự tại trường Bách khoa trung cấp về làm hiệu trưởng kể từ ngày 27/4/1973. Ba tháng sau, ngày 2/7/1973, ông giám xưởng Trần Văn Cừ về Sở Học chánh Biên Hòa làm thanh tra Trung học kỹ thuật và Nông Lâm Súc.

Năm 1973 – 1974, trường tuyển sinh các ban Điện kỹ nghệ, Kỹ nghệ gỗ, Kỹ nghệ sắt, Kỹ thuật phụ nữ và họa viên, ngoài ba ban truyền thống, tổng cộng là 8 ban. Trường trở thành *bá nghệ* với qui mô lớn hơn nhiều. Lịch sử quay trở lại sau 70 năm nhưng không lặp lại nguyên vẹn mà phát triển theo đường xoáy tròn ốc, ở mức cao hơn nhiều.

Thời gian học ba năm: lớp 10, lớp 11, lớp 12 chuyên nghiệp. Điều kiện tuyển sinh học sinh phải có bằng cấp 2 (trung học đệ nhất cấp) và qua một kì thi.

Năm 1973, học sinh lớp 10 cũ (cấp 2) tiếp tục lên học lớp 11 gọi là lớp 11 kỹ thuật đặc biệt, chương trình dựa vào lớp 11 kỹ thuật toán. Do đó năm học 1974 – 1975 vừa có học sinh mới tuyển theo hệ mới của 8 ban, vừa có học sinh theo hệ cũ (cấp 2) chuyển lên lớp 11 và 12 kỹ thuật đặc biệt, không có học sinh ra trường nên học sinh rất đông, khoảng 400, nhà trường phải sử dụng mọi phòng ốc để làm lớp học.

Do mở một số ban kỹ thuật nên nhiều giáo viên từ các tỉnh xin về. Bước đầu về phương diện tổ chức như sau:



- Tổng giám xưởng: ông Nguyễn Văn Bể
  - Giám học: ông Nguyễn Văn Thông
  - Tổng giám thị: ông Võ Thành Ngôn
- Các ban, xưởng sau do trưởng ban phụ trách:
- Ban Điều khắc: ông Nguyễn Văn Ninh
  - Ban Đúc đồng: ông Võ Văn Hoàn
  - Ban Gốm: ông Đinh Khắc Nhân
  - Ban Điện kỹ nghệ: ông Bùi Quốc An
  - Ban Kỹ nghệ gỗ: ông Nguyễn Tinh Thi
  - Ban Kỹ nghệ sắt: ông Nguyễn Hùng
  - Ban Kỹ thuật phụ nữ: bà Phạm Thị Hiếu

- Ban Họa viên và các giáo viên hội họa trực thuộc phòng Tổng giám xưởng; môn văn hóa phổ thông trực thuộc phòng giám học. Ban ô tô chưa tuyển sinh. Năm học 1974 – 1975, trường có 78 giáo viên và công nhân viên trong đó có 15 giáo viên mời ngoài. Cũng năm học này trường thành lập hội Phụ huynh học sinh.

Sau ngày 30/4/1975, nhà trường có khoảng 154 học sinh và 73 giáo viên và công nhân viên trong đó 12 giáo viên mời ngoài.

Ngày 5/7/1975, ty Giáo dục Biên Hòa bổ nhiệm một ban điều hành gồm có trưởng ban, phó trưởng ban và 3 ủy viên. Nhà trường tiếp tục tuyển sinh khóa cuối cùng của trường Kỹ thuật Biên Hòa năm học 1975 – 1976.

Tháng 11 năm 1976, UBND tỉnh Biên Hòa ra quyết định thành lập Trường phổ thông Công nghiệp cấp 3 và ngày 21/2/1977, ty Giáo dục Biên Hòa bổ nhiệm ban giám hiệu gồm 1 hiệu trưởng, 4 hiệu phó (4 hiệu phó này đều ở ban điều hành cũ). Tuy nhiên ty Công nghiệp xin quản lý ba ban Mỹ thuật Điều khắc, Đúc và Gốm để thành lập Trường Mỹ thuật công nghiệp. Ngày 10/8/1977, trường điều 13 giáo viên và công nhân viên ra ty Công nghiệp.

Năm học 1977 – 1978, trường phổ thông Công nghiệp tuyển sinh vào lớp 10, tuy nhiên chỉ học được ít tháng phải giải thể vì Trường Kỹ thuật Biên Hòa được chuyển về cho Bộ Văn hóa.

Ngày 14/1/1978, Ủy ban nhân dân tỉnh và ty Giáo dục Đồng Nai có văn bản chính thức bàn giao lại hai Trường Mỹ thuật công nghiệp và phổ thông Công nghiệp cho Bộ Văn hóa để thành lập trường Trung học Mỹ thuật trang trí Đồng Nai.

Tính từ năm 1903 đến năm 1978, trong ba phần tư thế kỷ XX, Trường Dạy nghề Biên Hòa (tiền thân) rồi Trường Mỹ nghệ Biên Hòa đã thực hiện nhiều công trình được đánh giá cao: phục hồi một số tượng ở đình Tân Lân (thờ Trần Thượng Xuyên), trang trí gốm cho nhà hội Bình Trước (nay là phòng Văn hóa thông tin thành phố Biên Hòa), đài Kỷ niệm, bốn phun nước ở công trường Sông Phố, tượng Phật cao 6,3 mét ở chùa Xá Lợi (Sài Gòn), trang trí gạch gốm ở nhà máy nước Thủ Đức, tượng đài Tài nguyên tỉnh Biên Hòa, nhiều tượng Phật các chùa, tượng Đức Bà Maria ở nhà thờ Biên Hòa, các chậu hoa bày ở nhiều nơi. Hàng triệu sản phẩm gốm Biên Hòa đã có mặt ở khắp các châu lục. Nhiều sản phẩm mỹ nghệ bằng đồng do trường làm hiện có mặt ở Úc, Pháp, Mỹ, Nhật, Hồng Kông ...

Nhưng quan trọng nhất: trường đào tạo được nhiều thợ lành nghề, nhiều nghệ nhân với *bàn tay vàng*, giúp cho nghề gốm mỹ nghệ lan tỏa ra khắp Nam bộ: Bình Dương, Sài Gòn, Vĩnh Long ...



Sản phẩm của trường



## 4 - TRƯỜNG TRUNG HỌC MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI ( 1978 - 1998 )

Ngày 1/1/1978, theo quyết định của Bộ Văn hoá, Trường trung học Mỹ thuật trang trí Đồng Nai được thành lập do ông Nguyễn Cao Thương - họa sĩ, giáo viên Hội họa làm hiệu trưởng, ông Nguyễn Văn Lương - họa sĩ - phụ trách công tác chính trị và hành chính, ông Nguyễn Minh Trí - chuyên viên điêu khắc - phụ trách chuyên môn, ông Nguyễn Văn Thông - giáo viên toán - phụ trách phòng Đào tạo, ông Đào Ngọc Cư - giáo viên Pháp văn kiêm Kế toán trưởng phụ trách phòng Tài vụ. Đến tháng 2/ 1978, Bộ Văn hóa có QĐ đề bạt ông Nguyễn Văn Đệ - giáo viên đồ họa - làm phó phòng Giáo vụ. Trường vẫn tọa lạc trên nền đất cũ nhưng với diện tích chỉ còn 8.359 m<sup>2</sup> , mang số 368 Quốc lộ 1 cho tới ngày nay.

Là một họa sĩ có tài, một cựu chiến binh quả cảm, ông Cao Thương hăm hở bắt tay thực hiện những cải cách về mọi mặt nhằm thay đổi diện mạo của trường, nội dung đào tạo mang màu sắc mỹ thuật nhiều hơn, như tên trường do chính ông đặt. Các ban sắp xếp lại tổ chức, đổi tên một số ban , bỏ bớt một số ban mang tính kỹ thuật như : sắt, điện, nữ công gia chánh. Năm học này trường có 5 ban ( bốn ban chuyên ngành và một ban giáo dục cơ bản ) :

- 1/ Họa viên đổi thành Trang trí đồ họa công thương nghiệp .
- 2/ Gốm mỹ thuật.
- 3/ Điêu khắc chất liệu.
- 4/ Kỹ nghệ gỗ đổi thành Thiết kế đồ gỗ và trang trí nội thất.
- 5/ Giáo dục cơ bản ( dạy các môn văn hóa, chính trị, thể dục thể thao).

Mục tiêu đào tạo: Học sinh sau khi tốt nghiệp cần phải:

- Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin và đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, có ý thức làm chủ tập thể, ý thức phục vụ nhân dân, có phẩm chất và đạo đức con người mới xã hội chủ nghĩa .

- Có trình độ tay nghề về ngành học của mình và một số kiến thức cơ bản chuyên ngành quy định trong chương trình học, nắm vững về cơ bản tạo hình, về năng lực sáng tác và kỹ thuật thể hiện bằng chất liệu chuyên ngành.

- Có trình độ lý luận nhất định để có thể tổ chức hướng dẫn những lớp sơ cấp, lớp văn hóa quần chúng về mỹ thuật hay ở một cơ sở sản xuất liên quan đến ngành nghề đã học.

Đối tượng tuyển sinh: những học sinh đã tốt nghiệp lớp 9, dự thi 4 môn: hình họa, trang trí, văn, toán. Thời gian đào tạo kéo dài 4 năm. Khóa đầu trường tuyển được 63 học sinh. Ngày học 8 tiết, một tiết đầu buổi sáng và tiết cuối buổi chiều học sinh học các môn văn hóa, các tiết còn lại học chuyên môn. Đến năm cuối khóa(1982) chỉ còn 36 người tốt nghiệp ở ba ban:Đồ họa, Gốm và Điêu khắc. Học sinh nghỉ học nhiều do hoàn cảnh kinh tế gia đình của họ chưa ổn định. Những ban không có HS thì GV ban đó chuyển sang làm công tác khác. Cán bộ - giáo viên - công nhân viên kể cả lưu dụng là 45 người. Sang khóa 2, trường tuyển cả học sinh tốt nghiệp lớp 12. Những giờ học văn hóa thì các học sinh này được nghỉ.

Sau giải phóng, mặc dù trường mới tiếp nhận từ cơ sở cũ, công việc còn bẽ bộn nhưng các thầy cô giáo đã cố gắng dựng chương trình các môn học khá chi tiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thoát dần tính chất truyền nghề đã ăn thành nếp trong các GV cũ. Có thể nói ban Đồ họa được chăm chút nhất và thành công nhất. Việc đưa học sinh đi thực tế, gắn bó sáng tác với đời sống nhân dân được coi trọng. Tính chất ứng dụng của mỹ thuật bắt đầu hiện rõ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh ở xa, con nhà nghèo có thể theo học, trường thành lập ký túc xá. Lần đầu tiên, trong khuôn viên của trường xuất hiện hai dãy nhà cấp 4 dành cho học sinh nam và nữ ở như một biểu tượng chân thực về tính ưu việt của chế độ XHCN.

Sau hai năm làm hiệu trưởng, năm 1980, thầy Cao Thương về hưu. Thời gian tuy ngắn ngủi nhưng thầy đã thực sự để lại được dấu ấn của mình, thực sự tạo được nền móng cho một hướng giáo dục - đào tạo mới, phù hợp với yêu cầu của xã hội mới. Thấy đã thổi một luồng không khí say mê sáng tác, học tập trong GV, học sinh mà



thầy là người đi tiên phong.

Thầy Nguyễn Văn Lương được đề bạt làm hiệu trưởng, thầy Nguyễn Minh Trí làm hiệu phó. Phòng Giáo vụ chưa có trưởng phòng, thầy Nguyễn Háo Thoại - GV hội họa làm phó phòng, ông Nguyễn Văn Quang làm trưởng phòng Hành chính. Cũng là một họa sĩ - chiến sĩ như thầy Thương, thầy Lương tiếp tục con đường của người tiền nhiệm: Ổn định tổ chức, đưa hoạt động các phòng ban vào quy củ, chú trọng nhiều đến hoạt động dạy - học. Thầy Trí, vốn là người có nhiều năm hoạt động tại trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội lại có thời gian tu nghiệp bên Đức nên trong chương trình đào tạo do thầy chỉ đạo đã hướng tới tính chất ứng dụng nhiều hơn. Trường mở thêm ban Sắt trang trí. Những năm này, thí sinh đã tốt nghiệp lớp 12 chỉ thi 2 môn Hình họa, Trang trí và học 3 năm, còn mới tốt nghiệp lớp 9 thi 4 môn, ngoài 2 môn năng khiếu thi thêm các môn Văn, Toán (hoặc Sử) và học 4 năm (thêm một năm văn hoá). Chương trình giảng dạy được các thầy cô từng ban biên soạn và được Bộ phê duyệt. Giáo viên lên lớp đều có giáo án. Từ đó việc giảng dạy bài bản hơn, khắc phục dần tình trạng ngẫu hứng, tùy tiện. Chương trình ba năm được phân phối như sau:

Năm học	Tổng số tuần	Thực học	Thi HK & TN	Thực tập	Sơ tổng kết	Sinh hoạt CT	Lao động nghĩa vụ	Lao động trường sở	Quân sự	Nghỉ Tết	Nghỉ hè	Dự trữ
Năm 1	52	28	2		2	1	1	1	4	3	5	
Năm 2	52	28	4	4	2	1	1	1	2	3	5	
Năm 3	52	16	2+12	8	2	1	1	1		3	5	
Tổng cộng	156	72	20	12	6	3	3	3	6	9	15	







## CÁC MÔN HỌC VÀ PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH (Hệ học 12/12 -Tính theo tiết học trong năm)

Số TT	CÁC MÔN HỌC	Ts tiết học	Chia theo năm học			Ghi chú
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	
	<b>A.Các môn chung</b>					
1	Chính trị	180	90	90		
2	Thể dục thể thao	90	58	32		
	<b>B.Các môn cơ sở</b>					
3	Ngoại ngữ	180	100	34	46	
4	Mỹ học Mác – Lê nin	40			40	
5	Lịch sử Mỹ thuật thế giới	40		40		
6	Lịch sử Mỹ thuật Việt nam	40	40			
7	Giải phẫu	40	40			
8	Luật xa gần	24	24			
9	Kẻ chữ	36	36			
10	Hình hoạ cơ bản	408	408			
11	Trang trí cơ bản	408	408			
12	Lý luận văn học	40	40			(học
13	Lịch sử văn học Việt Nam	40	40			vào
14	Lịch sử văn học Thế giới	40	40			buổi
15	Lịch sử thế giới	40	40			tối )
16	Vẽ ngoài (ký hoạ phong cảnh bổ sung bài chính khoá)	72 buổi	28	28	16	
	<b>C.Các môn chuyên ngành</b>					
17	Hình hoạ chuyên ngành	224	224			
18	Trang trí chuyên ngành	480	224	256		
19	Môn chuyên ngành	880	560	320		
20	Thực tập	12 tuần	4 tuần	8 tuần		

Phương châm " học đi đôi với hành", "Học gắn liền với lao động sản xuất" được chú trọng. Một số ban đã có học sinh học lại như ban Thiết kế gỗ & trang trí nội thất, Sắt trang trí ( Sau đổi thành Trang trí kim loại). Trong những năm này, những sản phẩm điêu khắc- gốm của trường đạt 5 Huy chương vàng tại Triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân năm 1983( Giảng Võ - Hà Nội) ; tượng Bác Hồ đúc đồng do các thầy Nguyễn Văn Răn, Võ Văn Hoàn và Nguyễn Hoàng Bé thực hiện đạt Huy chương bạc( 1985); một số học sinh được giải thi vẽ tem do ngành bưu điện tổ chức...

Những năm sau giải phóng, tình hình kinh tế rất khó khăn, nhiều người phải bỏ cơ quan Nhà nước ,nhất là nghề giáo sang làm nghề khác để kiếm sống. Đầu những năm 80, Nhà nước cho phép các trường đại học và chuyên nghiệp thực hiện chương trình " Học tập kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề và thực nghiệm nghiên cứu khoa học". Số tiền thu được từ sản xuất dành phần lớn cho việc cải thiện đời sống cán bộ, giáo viên,công nhân viên . Ban lãnh đạo trường mạnh dạn đi theo hướng mới: nhận hợp đồng sản xuất với các cơ quan, tổ chức ngoài trường như ký hợp đồng với Tổng công ty xuất nhập khẩu sách báo( XUNHASABA) làm gôm cao độ xuất khẩu; làm bình gốm Trường xuân tử đựng rượu cho công ty CHOLIMEX ( Quận 5 - Tp. Hồ Chí Minh).



Khu vực lò trở nên nhộn nhịp như một xưởng sản xuất thực sự, nào nặn, đổ khuôn, phơi, nung ... Trong trường, ai có khả năng tham gia đều được thỏa mãn. " Một miếng khi đói bằng một gói khi no", anh em rất mừng vì có thêm thu nhập giữa lúc khó khăn.

Năm 1982, Bộ Văn hóa - Thông tin bổ sung thầy Trương Minh Tú- GV chính trị về làm hiệu phó. Năm 1985 thầy Trí chuyển công tác sang cơ quan khác. Năm 1988, thầy Lương xin nghỉ hưu sau 8 năm lăn lộn với trường, thầy Tú lên thay và thầy Trần Cương Quyết và thầy Nguyễn Hào Thoại giữ chức hiệu phó. Cùng năm này, trường được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng Ba.

Ý thức kỷ luật, nề nếp, kỷ cương của nhà trường được duy trì, tạo điều kiện cho phong trào " Day tốt - Học tốt" đi lên. Hiểu được trường muốn phát triển cần phải có đội ngũ giáo viên vững mạnh, cần nâng cấp trình độ giáo viên, trường đã liên kết với Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh mở lớp đại học Mỹ thuật tại chức chuyên điêu khắc gốm( 1992 - 1996). Bảy giáo viên của trường trong số 32 sinh viên theo học lớp này đã tốt nghiệp. Đội ngũ GV của trường được chuẩn hóa. Cô Huỳnh Bội Trân - một GV trẻ, giàu năng lực và nhiệt huyết được trường tạo điều kiện du học cao học tại Úc. Các giáo viên, nhất là giáo viên trẻ được động viên, khích lệ phát huy năng lực sáng tạo.

Quan hệ đối ngoại giao được mở rộng. Bộ chủ quản bắt đầu có sự quan tâm, đầu tư lớn cho trường: năm 1995 xây dựng khu nhà A (cấp 2) trị giá trên 3 tỉ đồng. Thời bấy giờ đó là một số tiền lớn. Các loại máy móc, thiết bị hiện đại được đưa vào phục vụ cho hoạt động chính của trường, giáo viên và các nhân viên văn phòng được làm quen với vi tính.

Trường còn thành công trong lĩnh vực thực hiện các công trình mỹ thuật lớn, mang tầm vóc quốc gia. Nhóm tượng đài *Chiến sĩ pháo đánh sân bay Biên Hòa* ( đặt tại cổng Một sân bay Biên Hòa) là tượng đài bằng gốm đầu tiên của Việt Nam, đạt giải Nhi quốc gia( không có giải Nhất) do thầy Tú làm chủ nhiệm đề tài, nhà điêu khắc Nguyễn Phú Cường - chuyên viên vụ Mỹ thuật- là tác giả, thầy Trương Công Thành- GV điêu khắc - và các giáo viên ban Gốm của trường thực hiện phần chất liệu gốm. Bức phù điêu gò đồng dựng sau tượng đài miêu tả cuộc chiến tranh nhân dân toàn diện của miền Nam anh hùng chống Mỹ xâm lược do cô Nguyễn Minh Thủy cùng các giáo viên và học sinh khoa Điêu khắc thực hiện. Tiếp theo là nhóm tượng đài *Chiến sĩ đặc công đánh tổng kho Long Bình* cũng bằng gốm nặng lửa, đặt ở công viên Long Bình (Ngã tư Tam Hiệp).

Học sinh của trường nhiệt tình tham dự các cuộc thi vẽ mẫu tem, logo về bảo vệ môi trường ...tuy không có giải lớn nhưng được các đơn vị tổ chức rất khen ngợi.

Do có những thành tích trong công tác đào tạo và hoạt động mỹ thuật, năm 1993 trường được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì. Trước đó 1 năm( 1992), thầy Nguyễn Văn Thông - Trưởng ban KTCB - được trao tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú và một năm sau (1994) có thêm thầy Trương Minh Tú.

Nhìn chung, trong gần hai thập niên (1978 - 1995), do nhu cầu xã hội (đầu ra) nên trừ ban Đồ họa, các ban còn lại không tuyển được thí sinh đều đặn, năm có năm không. Mặc dù khó khăn, riêng ban Gốm Mỹ thuật trường vẫn cố gắng duy trì vì xác định đó là ngành truyền thống của trường nói riêng và của Đồng Nai nói chung ( có năm chỉ có vài ba học sinh vẫn mở lớp). Ban Sắt sáp nhập với ban Thiết kế đồ gỗ và trang trí nội thất.

Năm 1995 thầy Tú nghỉ hưu , thầy Trần Cương Quyết được bổ nhiệm làm hiệu trưởng. Bộ Văn hóa- Thông tin rót kinh phí lớn nhằm nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trường. Năm 1996, trường lắp đặt hệ thống lò gas nung sản phẩm gốm gồm: 1 lò 4 m<sup>3</sup> , 1 lò 1 m<sup>3</sup> và 1 lò thử nghiệm do Úc sản xuất với tổng kinh phí 1,6 tỉ đồng; đầu tư mua sách nghệ thuật hơn mười triệu đồng. Máy móc, thiết bị phục vụ cho chuyên ngành của khoa Đồ họa ứng dụng như computer, máy in màu, dàn máy cắt vi tính đồ họa với tổng trị giá 700 triệu đồng. Khoa Trang trí nội thất và tạo dáng cũng được bổ sung các máy móc hiện đại.



Cụm tượng đài Chiến thắng sân bay Biên Hòa



Sản phẩm của trường

Năm 1998, trường xây ký túc xá 3 tầng, diện tích sử dụng 1.344 m<sup>2</sup> với sức chứa 200 học sinh . Các phòng ở được bố trí 6 người / phòng , tiện nghi khép kín. Có phòng dành cho giảng viên, khách; phòng chiếu phim và sinh hoạt chung; có 2 sảnh lớn dành làm phòng ăn cho học sinh- sinh viên. Tổng kinh phí trên ba tỷ đồng.

Các giáo viên trẻ của trường được tạo điều kiện học sau đại học, khuyến khích học ngoại ngữ, vi tính. Thầy Nguyễn Ngô Trãi và Trần Đình Quả được đi tu nghiệp ngắn hạn tại Nhật Bản về gốm. Từ năm học 1996 - 1997, trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng theo chỉ tiêu của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, trường đào tạo hai hệ song song: trung học và

cao đẳng. Thi tuyển vào hệ CĐ gồm 3 môn: 2 môn hệ số 2 là Hình họa, Trang trí và Văn hệ số 1; hệ trung học chỉ thi 2 môn năng khiếu. Số lượng học sinh - sinh viên tăng dần: năm học 1998- 1999 có 20 sinh viên cao đẳng và 41 học sinh trung học tốt nghiệp. Năm sau cũng tương đương.

## 5 - TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI (Từ 1998 đến nay)

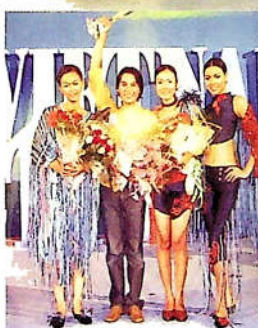
Khi lực lượng giáo viên, cán bộ công chức đủ mạnh, cơ sở vật chất của trường đạt yêu cầu cho một trường cao đẳng, trường đã làm đề án “Nâng cấp Trường trung học Mỹ thuật trang trí Đồng Nai thành Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai”. Đề án được các cấp phê duyệt. Trường chính thức lên hệ cao đẳng theo Quyết định số 119/1998 QĐ - TTg ngày 9/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Bắt đầu từ đây, trường tuyển sinh hệ cao đẳng độc lập. Các giáo viên được xét chuyển ngạch thành giảng viên.

Để chất lượng đào tạo theo kịp nhu cầu xã hội và tiếp cận được với những phương pháp tiên tiến trong khu vực cũng như trên thế giới, Ban giám hiệu cùng một số trường khoa đi nước ngoài tham quan, học hỏi kinh nghiệm ở một số trường đại học nghệ thuật nổi tiếng tại Úc, Singapore, Pháp ....Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình cũ nhưng bỏ bớt một số môn không còn phù hợp, thêm một số môn mới và ngay cả những môn cũ cũng có rất nhiều thay đổi về nội dung. Trường đặt được mối quan hệ hợp tác với các trường bạn, mời được các giảng viên về dạy giúp trường ( không có lương) ở hầu hết các khoa chuyên ngành như: Cô Jenny trường Đại học Monash; Ông Colin Scobbin ,Sam di Mauro, bà Robyn Peacock ,trường Đại học Griffith ( Úc ), giảng viên Ropin và Christine ( Úc) năm 1999, Moon Miran ( Hàn quốc) năm 2000- 2001, Tan Ping Chiang ( Singapore) năm 2000. Các giảng viên Ng Yew Kit ,Terence Tan Christ (Singapore) năm 2001, Jean Arnold ( Úc) năm 2001 - 2002. Trường còn mở rộng quan hệ với các trường bạn trong nước như Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh ..., mời giảng viên các trường bạn, gửi giảng viên của mình đi bồi dưỡng nâng cao kiến thức ... Cô Huỳnh Bội Trân tiếp tục sang Úc làm luận án Tiến sĩ về lý luận nghệ thuật.

Sự cọ xát đã tạo được những chuyển động tích cực trong nhận thức cũng như trong hành động của các anh chị em giảng viên . Từ những điều tai nghe mắt thấy, trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để anh em trao đổi về chương trình cũng như phương pháp giảng dạy, rút ra những điều bổ ích,



Tượng Trịnh Hoài Đức



Các bài dự thi khoa thời trang

phù hợp, từ đó hàng năm có chỉnh sửa, bổ sung chương trình và phương pháp giảng dạy. Toàn bộ các giảng viên đã "xóa mù" về vi tính và nâng cao trình độ sử dụng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh), nghiệp vụ sư phạm... Trường cử 3 GV trẻ, có năng lực về đồ họa, vi tính, tiếng Anh (thầy Nguyễn Tiết Giang, Phạm Lê Đức Ngân và Nguyễn Đức Sơn) sang tu nghiệp ngắn hạn về Truyền thông đa phương tiện (Multimedia) tại Singapore. Với sự giúp đỡ của các chuyên gia nước bạn, các thầy đã xây dựng chương trình và đưa vào sử dụng. Hai chuyên ngành mới được thành lập: Thiết kế thời trang (năm 2000 - 2001) và Truyền thông đa phương tiện (năm 2002 - 2003) nhưng mới ở quy mô tổ trực thuộc sự quản lý của Ban giám hiệu, sang năm 2003 - 2004 sẽ phát triển lên thành khoa độc lập. Như thế, tính đến năm 2002, trường đào tạo theo 6 chuyên ngành:

- 1/ Thiết kế đồ họa,
- 2/ Thiết kế thời trang,
- 3/ Đồ họa truyền thông đa phương tiện,
- 4/ Trang trí nội thất,
- 5/ Điêu khắc chất liệu,
- 6/ Gốm mỹ thuật.

Một số môn hoàn toàn mới, hiện đại được đưa vào giảng dạy cho tất cả sinh viên dù học ở bất cứ chuyên ngành nào như vi tính (căn bản, chuyên ngành), nguyên lý thị giác. Bộ tiếp tục đầu tư lớn cho trường: năm 2000, riêng sách các loại được bổ sung tới 56 triệu đồng; năm 2001 trang bị hệ thống mạng lưu trữ, các máy móc thiết bị phục vụ cho giảng dạy đồ họa vi tính lên tới trên 9 tỉ rưỡi đồng. Năm 2002- 2003, đầu tư cho xây dựng cơ bản 7 tỉ đồng.

Số lượng giáo viên - công nhân viên tăng lên, tính đến đầu năm 2003 tổng số toàn trường có 81 người, trong đó: 49 biên chế và 32 hợp đồng. Uy tín của trường càng ngày càng được nâng cao, 100% học sinh - sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm ngay với thu nhập cao. Lượng tuyển sinh mỗi năm mỗi tăng, được chứng minh qua bảng thống kê dưới đây:

Năm	Chỉ tiêu Bộ giao		Số đăng ký dự thi		Số dự thi		Số HS - SV nhập học		Dân tộc ít người	
	CD	TH	CD	TH	CD	TH	CD	TH		
2000	120	50	1081	97	539	51	111	42	46	2
2001	145	30	1288	139	753	63	145	30	86	1
2002	170	30	1822		1083		170	29	90	1

Số lượng học sinh - sinh viên khoa ĐHƯD (2 hệ) chiếm hơn 1/2 tổng số học sinh - sinh viên toàn trường. Từ năm 2000 trường chỉ tuyển học sinh đã tốt nghiệp 12 vào hai hệ: trung học (học 2 năm, chỉ đào tạo một chuyên ngành ĐHƯD) và cao đẳng (học ba năm). Từ năm 2002, hệ trung học chỉ xét tuyển từ điểm thi vào hệ cao đẳng theo nguyện vọng của thí sinh. Cũng từ năm 2002, trường được giao thêm chỉ tiêu đào tạo hệ cao đẳng không chính quy (tại chức cũ), thời gian học cũng 3 năm, mỗi năm tập trung 3 tháng. Thí sinh thi tuyển 3 môn:

- Văn (hệ số 1): Đề ra theo chương trình khối D, thời gian thi: 180 phút.
- Hình họa (hệ số 2): Vẽ tượng người bằng thạch cao. Thời gian: 300 phút.
- Trang trí (hệ số 2): Vẽ màu, đề tài gắn với tính chất ứng dụng của sản phẩm. Thời gian: 300 phút.

Điểm tốt nghiệp của học sinh - sinh viên được tính từ điểm của cả quá trình học tập (2 hoặc 3 năm tùy hệ). Học sinh trung học sau năm thứ nhất, lực học khá có thể thi lên hệ cao đẳng.



Học sinh - sinh viên của trường dưới sự hướng dẫn của các thầy cô đã rất nhiệt tình tham gia hầu hết các cuộc thi liên quan đến mỹ thuật ứng dụng trên quy mô tỉnh cũng như toàn quốc và đạt nhiều giải thưởng lớn như :

- Thi tranh cổ động do vụ Thông tin - Bộ VH TT tổ chức năm 1999, sinh viên Nguyễn Hoàng Ân (Khoa ĐHÚD) được giải nhì cá nhân.

- Cuộc thi " Việt Nam Collection Grand Prix" diễn ra hàng năm do Tạp chí Mốt, Viện mẫu thời trang Fadin và Bộ Công nghiệp nhẹ đồng tổ chức: năm 2000, sinh viên Nguyễn Huệ( Khoa ĐHÚD) được Giải Chất liệu, đặc biệt năm 2002 được 4 giải:

\* Giải của Viện Thời trang Nhật Bản(Murase): sinh viên Trần Thị Nguyễn Sa( Khoa TKTT)

\* Giải Màu sắc: sinh viên Thiêm Mạnh Tuấn( Khoa ĐHÚD).

\* Giải Ý tưởng: học sinh Võ Công Khanh ( Khoa ĐHÚD- hệ TH)

\* Giải thưởng lớn( Grand Prix) thuộc về sinh viên Trương Thanh Long (Khoa TKTT).

- Cuộc thi " Thiết kế mẫu nữ trang" năm 2001 do Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) và Tạp chí Thời trang trẻ tổ chức, học sinh Trương Hồng Phong (Khoa ĐHÚD- hệ TH) được giải nhất và sau đó, tháng 6/ 2002, Phong có một mẫu - là mẫu duy nhất của Việt Nam, được tham dự cuộc thi Gold Virtuosi lần 5 do Hội đồng Vàng thế giới tổ chức tại Ý.

- Năm 2003, sinh viên Nguyễn Hữu Lợi ( khoa TKTT) là người Việt Nam duy nhất với 15 mẫu được tham dự " Tuần lễ thời trang châu Á" được tổ chức tại Singapore.

- Cuộc thi vẽ áp phích, cổ động chào mừng Đại hội Công đoàn Đồng Nai lần thứ VII và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ IX , học sinh- sinh viên của trường chiếm 9/10 giải của tỉnh.

Các học sinh - sinh viên các khoa Gốm mỹ thuật và Đồ họa ứng dụng còn phối hợp với các nghệ sĩ hoặc sinh viên nước bạn tổ chức triển lãm chung và triển lãm theo đơn vị trường, gây tiếng vang trong giới. Có thể nói, giáo viên học sinh -sinh viên của trường giữ vai trò chính về mặt mỹ thuật trong mọi hoạt động của tỉnh Đồng Nai như trang trí hội chợ, triển lãm, lễ hội ...



Các bài dự thi khoa thời trang

Giảng viên, học sinh - sinh viên của trường còn được tiếp xúc, trao đổi trực tiếp, cùng đi thực tế tại Việt Nam với các giảng viên và sinh viên nước ngoài như Pháp, Singapore.

Các giảng viên ngoài công tác giảng dạy trong trường còn tham gia các hoạt động xã hội như : 100% giáo viên khoa Đồ họa là hội viên Hội VHNT tỉnh Đồng Nai( là lực lượng nòng cốt của Ban Mỹ thuật) và 30 % là hội viên Hội mỹ thuật Việt Nam. Các giáo viên khoa ĐHÚD và ĐK còn tham gia các triển lãm mỹ thuật trong tỉnh, khu vực Đông Nam bộ và hầu như lần nào cũng có giải như các thầy Trần Chí Lý, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Thị Thanh Thúy, Phạm Công Hoàng, Nguyễn Quang Hoàng, Nguyễn Đức Sơn, Trịnh Thế Hùng, Lâm Văn Cảng, Nguyễn Trọng Lộc ; có giáo viên là thành viên của Trung tâm tư vấn Gia đình - Trẻ em tỉnh.

Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên cũng hoạt động mạnh, phối hợp chặt chẽ , hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy - học và rèn luyện toàn diện của trường. Các tổ chức này hàng năm được các cấp trên ( tỉnh, Bộ chủ quản) đánh giá cao và được khen thưởng. Năm 2002, trường lại có thêm một Nhà giáo ưu tú - Hiệu trưởng Trần Cương Quyết. Năm 2003, nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập, trường được vinh dự nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch Nước tặng thưởng.

Tính đến năm 2003, với quy mô ở bậc cao đẳng được 5 năm nhưng trong 5 năm ngắn ngủi đó trường đã phát triển với tốc độ nhanh hòa chung cùng bước tiến CNH - HĐH của đất nước trên con đường đổi mới. Đạt được thành quả ấy là nhờ trường có sức mạnh tổng hợp từ bộ phận 100 năm, từ sự đầu tư tập trung của Bộ chủ quản và nhất là sự năng động, đoàn kết, quyết tâm nâng cao chất lượng đào tạo của Ban lãnh đạo trường cùng toàn thể các giáo viên - công nhân viên.



## II. VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TRƯỚC ĐÂY

Một thế kỷ đào tạo ở một ngôi trường là chuỗi thời gian dài. Có biết bao điều thay đổi đã diễn ra trong ngôi trường đó, khi mà đất nước ấy thường xuyên chịu tác động bởi chiến tranh. Trường Biên Hoà trải qua nhiều thăng trầm, nhiều lần đổi tên dời chỗ nhằm bảo đảm cho sự tồn tại của chính nó.

Để đánh giá về trường một cách đúng đắn, trọn vẹn trong suốt thời gian dài như thế này, thật là một điều khó khăn. Nhưng chúng ta, là kẻ hậu sinh, đang thừa hưởng những thành quả to tát mà các bậc tiền bối, thầy xưa đã lao công tốn sức gầy dựng, chúng ta mang món nợ tình thần quá lớn nên không thể không làm.

Theo dòng lịch sử, tại mỗi thời kỳ quan trọng của trường, chúng tôi sẽ có nhận định dành riêng cho thời kỳ đó.

**Trường Dạy nghề Biên Hoà** hay gọi theo cách nói của người dân bản địa là Trường **Bá Nghệ**. Trường khai giảng khóa học đầu tiên vào năm 1903 trên cơ sở phát huy thế mạnh sẵn có của ngành nghề truyền thống, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên hết sức phong phú ở địa phương và cung cấp thợ lành nghề cho thành phố Biên Hòa.

Những ngành nghề được giảng dạy trong giai đoạn này rất thực tiễn, bao gồm ban Đúc đồng, Sắt, Gõ, Đan lát và Vẽ, vì mục đích của trường là nhằm đào tạo những người thợ có khả năng tay nghề thành thực để phục vụ thiết thực cho sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Khởi thủy các ban này chỉ đòi hỏi học sinh sự khéo tay, những hiểu biết sơ đẳng về kỹ thuật dựa trên nhu cầu phổ thông trong lĩnh vực xây cất nhà cửa, đóng bàn, ghế, tủ, giường và các sản phẩm gia dụng quen thuộc. Dần dần theo thời gian việc giảng dạy ổn định, đạt hiệu quả, nhà trường bắt đầu chú trọng đến mỹ thuật nhiều hơn. Mặt khác, lứa tuổi đào tạo vào khoảng từ 12 đến 16 về mặt tâm sinh lý còn trong giai đoạn phát triển, khả năng nhận thức tư duy chưa thể gọi là chín chắn được, đồng thời trình độ văn hóa ở mức độ biết đọc biết viết nên khả năng tìm tòi sáng tạo chắc chắn còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh những giáo viên người Pháp phụ trách chính, hầu hết vai trò hướng dẫn trực tiếp cho học sinh tập trung vào các đốc công, là những người có tay nghề giỏi, nhiều kinh nghiệm và có tiếng tăm ở địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Phương pháp truyền đạt của các đốc công này theo kiểu nghề dạy nghề có ưu điểm là thầy trò luôn theo sát lẫn nhau, thầy hướng dẫn - trò thực hành, thầy sửa chữa những sai trái cho trò theo từng công đoạn trong quá trình làm việc. Tuy nhiên mặt hạn chế lớn là thầy thường áp đặt trò theo cách nghĩ của mình, theo khuôn mẫu, chuẩn mực đã quy định sẵn nên trò khó có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo cá nhân. Nhà trường cũng nhận ra khuyết điểm này và người ta đã thấy được sự cải cách lề lối giảng dạy vào mấy năm sau đó bằng cách tăng cường những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, kích thích khả năng tư duy, vai trò sáng tạo ở học sinh. Những thay đổi đó đem đến kết quả hết sức khả quan. Cũng trong thời kỳ này nhà trường quyết định giữ lại ban Gốm và Đúc đồng là ngành nghề phù hợp với thế mạnh vốn có của Biên Hòa

Có thể xem suốt thời gian tồn tại của Trường Dạy nghề Biên Hòa đã tạo được chỗ đứng vững chắc, là nơi cung cấp nhân sự có tay nghề cho nhu cầu của địa phương thời bấy giờ.

Bước sang giai đoạn trường đổi tên thành **Trường Mỹ nghệ Biên Hòa**, rõ ràng thông qua cái tên của nó, người ta có thể thấy sự khẳng định vai trò chủ đạo trong việc giảng dạy của nhà trường. Các giới chức thẩm quyền của Biên Hòa đã cử những nhà chuyên môn đứng với ngành nghề gốm và đúc đồng để quản lý và điều hành công việc. Đáng kể nhất là



việc bổ nhiệm ông Balick là người xuất thân Trường Mỹ thuật Paris làm hiệu trưởng và vợ của ông tốt nghiệp từ Limoges nổi tiếng về sản xuất gốm của nước Pháp. Hai ông bà luôn hỗ trợ lẫn nhau điều hành hoạt động của ban Gốm và Đúc đồng. Chương trình học tập có sự thay đổi, những môn căn bản mỹ thuật như vẽ, nặn được giảng dạy theo phương pháp đào tạo của các trường mỹ thuật ở Pháp để giúp cho học sinh phát huy vai trò sáng tạo của mình.

Nhà trường trải qua quá trình tìm tòi nghiên cứu từ nhiều xu hướng sáng tác khác nhau nhằm định hình phong cách riêng cho mình. Bên cạnh đó sản phẩm gốm Cây Mai của người Hoa di dân ở vùng Chợ Lớn mà đặc trưng là gốm chạm lộng hoặc đắp nổi nhẹ, tiểu tượng nổi tiếng với màu men cobal, men xanh có truyền thống xa xưa từ Trung Hoa lục địa, một thời tác động không nhỏ trong thị trường sản xuất đồ gốm Nam bộ. Ngay từ lúc mới đầu thành lập, người Pháp đã phải mời các nghệ nhân người Hoa xuất thân từ các lò gốm nói trên về phụ trách vai trò đốc công. Thông qua những sản phẩm gốm còn giữ lại cho phép chúng ta nhận định rằng, khởi đầu các nhà quản lý người Pháp đã có ý đưa kỹ thuật gốm sứ cũng như phong cách Châu Âu vào Việt Nam. Thời kỳ nầy đang thịnh hành phong trào có tên gọi là Nghệ thuật mới (Art nouveau) xuất hiện vào thập niên cuối của thế kỷ XIX và phát triển mạnh mẽ trước khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất xảy ra. Với vai trò phụ trách ban Gốm, bà Mariette chắc hẳn đã đem ảnh hưởng của kỹ thuật gốm Limoges vào ứng dụng thực tiễn tại trường Biên Hòa (thời kỳ đó men màu nhập từ Pháp sang người trong nước gọi là men Tây), và bà đã cho những đốc công người Hoa nghỉ việc để tự điều hành.

Việc nhà trường chọn phương pháp khắc chìm và phối hợp men màu trên sản phẩm thay vì là gốm men lam rất phổ biến ở miền Bắc và ở Huế, có thể cho chúng ta hình dung sự độc lập trong sáng tạo và xu hướng riêng biệt. Bên cạnh đó sản phẩm gốm Cây mai của người Hoa di dân ở vùng Chợ lớn, đặc trưng là gốm chạm lộng hoặc đắp nổi nhẹ, tiểu tượng... với màu men cobal, men xanh rất phổ biến có một thời tác động không nhỏ trong thị trường sản xuất đồ gốm. Ngay lúc ban đầu thành lập trường, người Pháp đã mời các nghệ nhân người Hoa xuất thân từ các lò gốm nói trên về phụ trách vai trò đốc công.

Tuy nhiên, trong quá trình chế tác, nghệ nhân Biên Hòa chứng tỏ cho thấy khả năng độc đáo của mình. Nguồn nguyên liệu địa phương hết sức phong phú của các vùng lân cận thuận lợi cho thử nghiệm đất cốt tạo hình sản phẩm cũng như việc pha chế men màu hoàn toàn dựa trên khoáng sản, tro rơm sẵn có đã đem lại hiệu quả hết sức độc đáo, không thua kém gì men ngoại nhập. Một ưu điểm nữa là khi chịu sự tác động qua lửa ở nhiệt độ nhất định, sẽ hình thành sắc màu đỏ tím hết sức kỳ ảo mà người thường ngoạn yêu thích gọi đó là hoả biến.

Nhiệt độ nung sản phẩm lên đến 1280° có thể xem là ngưỡng tới hạn dành cho chủng loại gốm sành thời bấy giờ, còn gọi là *men nặng độ*. Như vậy sự định hướng của trường đã hoàn tất, men gốm mang phong cách cổ ra đời. Một kỳ công đặc sắc của nhà trường. Ở nhiệt độ này màu men trở nên đậm đà, sâu lắng, thể hiện vẻ trầm mặc, cổ kính, có thể thấy qua các màu men cobal, men xanh ánh màu đồng, men da lươn, men nâu... Thành tựu này đã thay đổi sự suy nghĩ





Ban đầu của ông bà Balick và kết quả là nhà trường không cần phải mua men từ Pháp sang mà hoàn toàn sử dụng men tự chế, còn gọi là *men ta* để phân biệt với *men Tây*. Trong những lần dự triển lãm ở Âu châu màu men gốm độc đáo của trường Biên Hoà rất được khách xem ưa chuộng. Một trong những màu men đó được người Pháp đặt tên là Vert de Biên Hoà (men xanh Biên Hoà). Chỉ không đầy hai mươi năm sự ra đời men xanh Biên hoà đã làm sống lại thời kỳ vàng son của bạc tiến nhân vào những thế kỷ XV, XVI: men xanh đồng Chu Đậu.

Về hình dáng và họa tiết, ảnh hưởng ban đầu có thể thấy khá rõ ràng qua việc thể nghiệm xu hướng Đông lẫn Tây. Những kiểu dáng bình cổ nhỏ thắt đáy theo phong cách Nghệ thuật trang trí (Art Deco) của Anh, bình cổ thắt hay tháp theo kiểu Ý, Pháp; các mô típ trang trí mai-lan-cúc-trúc, tứ linh, bách hoa... dựa theo điển tích xưa của Trung Hoa vẫn ảnh hưởng sâu đậm trong tâm hồn người Việt Nam. Song song đó, phong cách truyền thống dân tộc đạt sự ưu thắng, nhiều mô típ rồng lá, dây lá, hoa văn trên liễn, tháp của thời Lý, Trần (thế kỷ XI-XVI) được dùng mô phỏng trang trí trên bình, chậu, đĩa treo tường. Dần dần tính độc lập trong sáng tạo, sự tự tin vào khả năng loại bỏ ảnh hưởng ngoại lai, đã bộc lộ qua những sản phẩm mới mà các nghệ nhân của trường lấy cảm hứng từ đề tài thiên nhiên, động vật, nhân vật lịch sử, mô típ trang trí để thể hiện.

Sản phẩm điêu khắc đúc đồng, mạ đồng cũng trải qua các quá trình tương tự. Phong cách Angkor, Champa đóng vai trò ảnh hưởng đáng kể qua các tượng người, đầu tượng điêu khắc. Hai thể loại gốm và đúc đồng của trường là những hình ảnh gây ấn tượng nhiều nhất đối với người thưởng ngoạn. Bên cạnh đó kỹ thuật chất liệu giả đá, phủ màu giả cổ trên sản phẩm nung là nét độc đáo. Khuynh hướng tạo cho sản phẩm về cũ kỹ, cổ xưa là một trong những đặc trưng của trường.

Thành quả vang dội qua những lần trường tham dự triển lãm tại Hội chợ Quốc tế Paris, Hồng Kông và đặc biệt là Nhật Bản, quốc gia có ảnh hưởng lớn về nghệ thuật trên thế giới, đã nói lên sự thành công trong việc giảng dạy cũng như năng lực sáng tạo tinh tế của thầy và trò, góp phần đưa sản phẩm gốm, đúc đồng nhà trường trên thị trường quốc tế. Gốm Biên Hòa đã tạo cho mình chỗ đứng riêng biệt với giá trị tự thân không ai có thể phủ định.

Vào năm 1964, Trường Mỹ nghệ Biên Hoà được đổi tên thành **Trường Kỹ thuật**. Đây là chủ trương nhằm kỹ thuật hoá ngành nghề của miền Nam trước 75, thời kỳ nền kinh tế đang chịu sự chuyển đổi trước làn sóng vật chất phát xuất từ viện trợ của người Mỹ dồn dập đổ vào cuộc chiến ở Việt Nam. Là trường mỹ thuật truyền thống lâu đời, sự thay đổi nẩy vô tình đã làm hạn chế những ưu thế vốn có trước đó. Tác phong kỷ luật, cách làm việc gọn gàng khoa học, của những người công nhân tương lai có tay nghề cao là đặc điểm ở giai đoạn này.

Trong suốt quá trình hoạt động, nhờ sự điều hành khéo léo của người lãnh đạo vốn xuất thân từ Mỹ thuật Đông Dương nên tuy giờ học mỹ thuật không nhiều so với thời gian thực hành xưởng, học sinh vẫn đạt được trình độ vẽ đáng khích lệ. Thông thường học sinh phải bắt đầu từ sáng tác trên phác thảo, qua quá trình chọn lọc, sửa chữa của thầy, sẽ hoàn tất trên chất liệu thật. Những công trình, sản phẩm mà trường tham gia thực hiện ở nhiều nơi trong nước được đánh giá cao, đã nói lên điều này. Điểm đặc biệt nữa là có nhiều học sinh làm bài ra trường loại xuất sắc, nên Nha Kỹ thuật là cơ quan lãnh đạo cấp trên, đặc cách miễn thi tốt nghiệp và cấp bằng trực tiếp.

Những năm sau ngày giải phóng nhà trường gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục không nhất quán giữa các đơn vị chủ quản phần nào làm ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo. Tuy nhiên trong thời gian này các ngành học đã được củng cố hoàn thiện hơn, chương trình giảng dạy được rà soát lại cho phù hợp với sự phát triển chung. Giáo án là yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên khi đứng lớp.





Từ năm 1978 trường đổi tên thành **Trung học Mỹ thuật Trang trí Đông Nai** trực thuộc Bộ Văn Hóa. Trong hệ thống đào tạo mỹ thuật của Bộ Văn Hóa, tất cả các trường Mỹ thuật đều là ngành mỹ thuật tạo hình (Fine art). Ở Hà Nội duy nhất có một trường mỹ thuật mang tính ứng dụng đó là trường Cao Đẳng Mỹ thuật công nghiệp, nhưng không thuộc sự quản lý của Bộ. Vì vậy việc đặt tên Trường Mỹ thuật trang trí (là chuyên ngành của mỹ thuật ứng dụng (Applied art)) quả là quyết định sáng suốt và sâu sắc, vừa không xa rời truyền thống mỹ nghệ thực hành của trường cũ đồng thời lại có cái nhìn đúng đắn trước chuyển biến tích cực của xã hội. Trường đã giải thể những ban kỹ thuật và đổi tên một số ban như Trang trí đồ họa công thương nghiệp, Thiết kế đồ gỗ và Trang trí nội thất, Điều khắc chất liệu, Sắt trang trí và Gốm mỹ thuật. Những tên gọi này hầu như không mấy thay đổi cho đến ngày nay. Chương trình học tập vì vậy phải từng bước điều chỉnh lại cho phù hợp, lực lượng giáo viên còn bỡ ngỡ với những yêu cầu giảng dạy mới, cũng cần phải được trang bị thêm kiến thức để thích ứng với việc hướng dẫn trên lớp. Trong giai đoạn này môn cơ bản hình họa, trang trí, kẻ chữ, phối cảnh, giải phẫu tạo hình...được giảng dạy nghiêm túc, làm nền tảng cho việc ứng dụng vào chuyên môn ở những năm kế tiếp. Đồng thời học sinh còn được trang bị thêm kiến thức về Lịch sử, Lý luận mỹ thuật, Mỹ học Mác- Lê Nin và đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, là định hướng cho việc sáng tác của các em về sau này. Một quan điểm mới là đối với bài chuyên môn, đề tài được nhà trường liên hệ với thực tiễn của các đơn vị, xí nghiệp đang hoạt động. Điều này đã kích thích sự làm việc của học sinh, vì thực tế khắc khe đòi hỏi những nỗ lực nghiêm túc mới có thể đáp ứng được yêu cầu cụ thể của khách hàng và cũng là cơ hội giúp học sinh tiếp cận với công việc mình sẽ làm sau khi tốt nghiệp.

Ở giai đoạn này, trong lãnh vực đào tạo, nhà trường tiến một bước dài. Học sinh của trường đạt được nhiều giải thưởng qua các đợt hội thi thiết kế ở địa phương cũng như cả nước. Và qua thăm dò từ các cơ quan, xí nghiệp tiếp nhận học sinh ra trường, hầu hết đều đáp ứng công việc tốt đẹp, đã phần nào đánh giá được chất lượng giảng dạy của nhà trường. Đây cũng là tiền đề cho bước phát triển lên Cao Đẳng sau này.

**Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đông Nai** được hình thành bởi quyết định của Thủ tướng Chính phủ vào năm 1998, là kết quả của sự nỗ lực vươn lên của tập thể nhà trường. Đồng thời cũng là trường duy nhất phía Nam trực thuộc Bộ VH-TT đào tạo ngành mỹ thuật ứng dụng. Đây là thử thách lớn về phía Ban giám hiệu khi đối diện trước những yêu cầu của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Sự ra đời chậm, việc thiếu tiếp cận với các quốc gia trong khu vực và thế giới là lời cảnh báo về sự tụt hậu trong tư duy và nhận thức nghề nghiệp. Nền kinh tế thị trường khác xa nền kinh tế bao cấp về mặt cạnh tranh sống còn. Vai trò thiết kế mỹ thuật là một trong những yếu tố quan trọng có thể làm thay đổi bề mặt của đơn vị hay doanh nghiệp. Vì vậy có nhiều vấn đề đặt ra cho nhà trường: cần có hệ thống chương trình tương thích đối với thời kỳ mới; có bao nhiêu khoa cần bổ sung? yêu cầu nâng cấp trình độ giảng dạy của giảng viên trong giai đoạn hiện nay; mối quan hệ hợp tác giữa các trường mỹ thuật Việt Nam với các đại học nước ngoài trước xu thế hội nhập toàn cầu của thế giới; vấn đề chuẩn bị nhân sự cho tương lai qua việc chọn lựa giảng viên, sinh viên giỏi cử đi du học ở nước ngoài; tăng cường thêm phòng, lớp, nhà, xưởng, đầu tư thiết bị hiện đại đáp ứng điều kiện thực hành thực tập cho sinh viên và trên tất cả là xây dựng nền giáo dục vừa hiện đại vừa thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc.

Chuyến tham quan 5 trường Đại học hàng đầu ở nước Úc, Singapore nằm trong kế hoạch cải tổ chương trình và trao đổi giảng viên hai bên. Theo thỏa thuận đã ký kết, kể từ 1998, hàng năm Đại học Monash, Griffith (Úc), Hội Liên hiệp các Cty gốm Canberra, Viện Mỹ thuật Nanyang (Singapore), Arts Institute of Chicago (Mỹ).. đều cử giảng viên sang trường hướng dẫn đồ án cho sinh viên, qua đó có những cuộc tiếp xúc, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm đứng lớp giữa giảng viên hai bên. Đây cũng là dịp để giảng viên trường tiếp cận với thông tin bên ngoài.

Năm 2000, trường mở thêm Khoa Thiết kế Thời trang, mời những nhà thiết kế tên tuổi đã từng theo học nước ngoài về công tác. Nhà trường cũng quan hệ với Viện Mỹ thuật Nanyang Singapore để xây dựng chương trình Truyền



thông đa phương tiện (Multimedia), đồng thời cử giảng viên sang tập huấn tại đây. Khoa Truyền thông đa phương tiện sẽ chính thức tuyển sinh vào năm học 2003.

Hiện tại, mọi chuẩn bị từ trước đó mang lại kết quả tốt đẹp, chương trình giảng dạy do trường thiết kế có thể xem tương đương với các nước trong khu vực và được đánh giá cao ở cấp Bộ; dịch và biên soạn tài liệu giáo khoa nước ngoài, giáo trình chuyên môn có giá trị thực tiễn; giáo án của giảng viên đi vào chiều sâu, chi tiết và hết sức thực tế. Phòng lab, phòng vi tính và nhiều thiết bị chuyên dụng hiện đại được lắp đặt để tạo điều kiện cho sinh viên phát huy năng lực của mình. Trường khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi thiết kế bởi đó là cơ hội để khẳng định khả năng, đồng thời mở rộng quan hệ đến các đơn vị, công ty, xí nghiệp. Tổ chức triển lãm giao lưu giữa sinh viên Việt Nam với trường bạn. Tất cả những điều nói trên nhằm mục đích củng cố cho sinh viên về mặt kiến thức, sự tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với yêu cầu công việc khi ra trường.

Mấy năm qua, những thành công liên tiếp của sinh viên ở các lĩnh vực thiết kế thời trang, đồ họa, gốm, trang sức có thể khẳng định trường đã vạch hướng đi đúng đắn, từng bước nhưng chắc chắn, trên con đường hội nhập để tiến vào thế kỷ thứ XXI.

Một số công trình tiêu biểu do trường thực hiện:

Từ năm 1906 - 1912 trường dạy nghề Biên Hòa đã thực hiện các công trình như: - Thiết kế trang trí gian hàng triển lãm sản phẩm Biên Hòa.- Thiết kế trang trí nhà chợ Bến Tre.- Thiết kế trang trí nhà Hội Long Xuyên tỉnh Cần Thơ.

Thiết kế trang trí đài phun nước công trường Thủ Dầu Một ( Bình Dương ) tượng Beo gấm bằng gốm (năm 1932). Thiết kế trang trí mặt tiền chợ Bến Thành Sài Gòn, các phù điêu gốm thể hiện hình tượng về hải sản, đặc sản, hoa quả, rau xanh vv... Thiết kế trang trí đài phun nước trước Tòa Đô Chánh Sài Gòn ( Nay là UBND Thành phố Hồ Chí Minh). tượng cá hoá long bằng gốm (năm 1934). Thiết kế trang trí đài phun nước Công trường Sông Phố Biên Hòa (năm 1935)., Thiết kế trang trí trụ gốm Cột Biên giới Việt - Miên - Lào, hình tượng ba cô gái của 3 quốc gia. Thiết kế trang trí mặt Rỗng phun nước cho nhà máy nước Thủ Đức (năm 1936)., Thiết kế trang trí nhà Hội xã Bình Trước.(năm 1937), Thiết kế trang trí phòng Triển lãm sản phẩm trường Mỹ nghệ Biên Hòa ( Musée).(năm 1938).

Năm 1967, Thiết kế trang trí tượng đài chủ đề Tài nguyên Biên Hòa, đặt tại Công trường Sông Phố Biên Hoà., Thiết kế trang trí đài phun nước Cá hoá Long tại Công trường Sông Phố Biên Hòa.(năm 1970).Ngoài ra còn có những công trình khác như thiết kế đài phun nước cho bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, giảng đường trường Đại học Khoa học Sài Gòn, trường Kỹ thuật Phú Thọ Sài Gòn ( nay là trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh )...

Sau năm 1975, về điêu khắc trường đã thực hiện: tượng đài Võ Thị Sáu, tượng đài bằng gốm đề tài Chiến sĩ pháo binh đánh sân bay Biên Hòa, quần tượng chất liệu gốm đề tài Chiến sĩ đặc công đánh tổng kho Long Bình, các tượng đài danh nhân như Nguyễn Hữu Cảnh, Trịnh Hoài Đức, Tượng đài cuộc nổi dậy ở nhà lao Tân Hiệp, phù điêu chất liệu đất nung tại mặt tiền của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai vv...

Ở lĩnh vực thiết kế trong những năm gần đây, sinh viên của trường đã dành được nhiều giải thưởng lớn về Đồ họa; riêng ngành thiết kế Thời trang là các giải của Việt Nam Collection Grand Prix ( năm 2000), của Viện thời trang Nhật Bản Murase ( năm 2002), Thiết kế Nữ trang của Gold Virtuosi do Hội đồng Vàng Thế giới tổ chức tại Ý ( năm 2000), giải Thiết kế “ Tuần Lễ Thời trang Châu Á” ở Singapore ...

**NGUYỄN HẢO THỌẠI**



### III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI TRONG TƯƠNG LAI TRẦN CƯƠNG QUYẾT

Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai tiền thân là trường dạy nghề Biên Hòa đã hình thành, tồn tại và phát triển trong 100 năm qua (1903-2003). Trong 100 năm trường đã thay đổi khá nhiều lần từ tên trường đến quy mô đào tạo- ngành nghề đào tạo mục tiêu đào tạo. Trường đã trải qua ba thời kỳ: thời kỳ thuộc Pháp, dưới chế độ Sài Gòn (1954-1975) và thời kỳ đất nước được hoàn toàn thống nhất.

Dưới thời kỳ đất nước ta bị đô hộ dưới ách thống trị của thực dân Pháp, mạng lưới trường lớp đào tạo nghề ở cả nước là rất mỏng. Ở miền Nam, trong một số rất ít trường được thành lập có Trường Dạy nghề Biên Hòa mà nhân dân thường gọi là “ Trường Bá nghệ Biên Hòa”. Do kinh tế chưa phát triển nên quy mô của trường nhỏ bé, số lượng học sinh ít.

Mãi đến năm 1964 ( sáu mươi năm sau ) từ trường dạy nghề mới phát triển thành trường trung học chuyên nghiệp mang tên trường Kỹ thuật Biên Hòa.

Ngày đất nước hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, sau mấy năm tiếp quản trường đổi tên thành Trường Mỹ thuật trang trí Đồng Nai năm 1978, đến năm 1998 trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai.

Trong 100 năm qua trường trải qua 3 giai đoạn phát triển.

Từ 1903 -1963 là trường đào tạo nghề, tồn tại 60 năm.

Từ 1964 -1997 là trường trung học chuyên nghiệp, tồn tại 33 năm

Từ 1998 đến nay 2003 là trường cao đẳng.

#### **I/ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ 100 NĂM SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG.**

Chúng ta hết sức trân trọng và tự hào vì cách đây 100 năm đã có một trường dạy nghề ra đời. Đó là một ngôi trường rất hiếm hoi của cả nước lúc bấy giờ. Trong 100 năm qua trường đã đào tạo một đội ngũ lao động có kỹ thuật, có mỹ thuật là những người có phẩm chất và tài năng, nhiều học sinh- sinh viên đã đạt được thành tích cao trong sáng tác nghệ thuật.

Trong 100 năm ấy, quy mô đào tạo của trường không lớn, có lẽ đó là đặc thù của một trường năng khiếu. **Mục tiêu đào tạo** chủ yếu của trường là đào tạo ra những người thợ lành nghề những cán bộ mỹ thuật bậc trung học ( Thời kỳ sau 30-4-75 ).

Trong cả khóa học nhà trường cung cấp cho người học những kỹ năng nghề nghiệp- những kỹ thuật lâu đời của nhiều thế hệ cha ông. Đồng thời người học cũng được cung cấp một số ý tưởng và phong cách sáng tác. Học sinh tốt nghiệp ra trường trong những năm đầu có khả năng đảm trách khâu kỹ thuật, mỹ thuật ở các công ty xí nghiệp phù hợp với các chuyên ngành mà họ đã học. Họ có khả năng tái tạo, sao chép hoặc cách tân một phần các bản mẫu mỹ thuật đã có sẵn. Phải sau một số ít năm tiếp theo với kinh nghiệm nghề nghiệp, với khả năng tư duy họ đã sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao.

Như vậy rõ ràng là với bậc học trung học, với trình độ người học và thời gian có hạn người học chỉ đạt đến mức như đã trình bày trên.

**Về những ngành đào tạo** của trường trong 100 năm qua luôn thay đổi theo yêu cầu của xã hội ở từng thời điểm lịch sử, song có 3 ngành đào tạo gần như tồn tại trong suốt 100 năm đó là : ngành Gốm- ngành Điêu khắc và ngành Đồ họa. Đó là 3 ngành gắn liền với “truyền thống lịch sử, kế thừa những thành tựu, những kinh nghiệm và tri thức của đội ngũ thợ thủ công địa phương”

#### **Về đội ngũ thầy giáo :**

Nói đến đội ngũ thầy giáo là nói đến “hệ thống máy cái” của một trường học. Hồ Chủ tịch đa nhấn mạnh rằng “ Nếu không



có thầy giáo thì không có giáo dục.” ( Hồ Chí Minh bàn về công tác giáo dục-NXB sự thật Hà Nội 1972 trang 57).

Điểm lại danh sách các thầy giáo đã và đang giảng dạy trong trường chúng ta hết sức trân trọng và đáng tự hào đó là đội ngũ giáo viên giữ được truyền thống của người thầy giáo Việt nam trong mọi thời kỳ : Cần cù, chịu khó, khắc phục, khó khăn, gần gũi học sinh, gắn bó với nghề nghiệp, đem tất cả tâm huyết và năng lực nghề nghiệp truyền thụ cho học sinh ở mỗi giai đoạn, khác nhau, trình độ kiến thức năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp của người thầy được thể hiện ở những mức độ khác nhau- thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước, trình độ chuyên sâu được mở rộng hơn.

**Về cơ sở vật chất:** Là một trường giảng dạy về mỹ thuật thực hành ( mỹ thuật ứng dụng ) cơ sở vật chất đạt yêu cầu, vừa giảng dạy lý thuyết vừa giảng dạy thực hành. ,song so với nhu cầu đào tạo hiện nay, nơi thực hành còn nhỏ bé, nhiều ngành máy móc thiết bị thiếu lạc hậu, cũ kỹ. Riêng ngành đồ họa đa truyền thông là một ngành mới mở cơ sở vật chất thiết bị, phục vụ giảng dạy ngang tầm với các nước tiên tiến hiện nay.

## **II/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI TRONG TƯƠNG LAI.**

Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển những bước nhảy vọt chưa từng thấy, đưa thế giới từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên thông tin và phát triển kinh tế trí thức, nó tác động mạnh mẽ và làm biến đổi nhanh chóng về đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi sự cạnh tranh khốc liệt về kinh tế giữa các nước. Các phương tiện truyền thông internet đã tạo thuận tiện cho việc giao lưu văn hóa nói chung và công tác mỹ thuật ứng dụng nói riêng .

Công tác đổi mới giáo dục là một nhu cầu cấp thiết của toàn Đảng toàn dân vì sự nghiệp “ Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Nhà trường là “tuyến đầu” của quá trình đổi mới, trường học cần “nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những cơ sở lý luận, phương thức tổ chức, nội dung giảng dạy hiện đại và tận dụng các kinh nghiệm quốc tế để đổi mới phát triển”.

Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai với chức năng hiện nay là đào tạo cán bộ mỹ thuật ứng dụng có trình độ cao đẳng và trình độ thấp hơn, từ năm 2005 đến 2010 trường sẽ đào tạo với một trình độ cao hơn và có như vậy mới phù hợp với xu thế phát triển của thời đại,

**Mục tiêu của trường là:**

### **XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI THÀNH MỘT TRUNG TÂM ĐÀO TẠO MỸ THUẬT ỨNG DỤNG TIÊN TIẾN Ở PHÍA NAM**

- Đào tạo đa ngành, đa nghề, đa bậc học trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng.
- Phát triển ngành nghề truyền thống và xây dựng những ngành nghề mới phù hợp với sự phát triển của công nghệ hiện đại trong nền kinh tế thị trường trong giai đoạn toàn cầu hóa.
- Đi đầu trong việc đổi mới chương trình, giáo trình tương đồng với chương trình của các nước tiên tiến phù hợp với mỹ thuật văn hóa truyền thống của Việt Nam.
- Cung cấp một nguồn nhân lực có trình độ sáng tác thiết kế tốt cho các ngành nghề thủ công truyền thống, các ngành công nghiệp và thẩm mỹ môi trường.
- Mục tiêu là đào tạo cho người dân có năng khiếu thẩm mỹ phát triển được tài năng, đủ điều kiện tìm việc làm và sống bằng nghề nghiệp mà họ đã được học.

Chúng tôi dự kiến quy mô phát triển đào tạo trong tương lai của trường như sau:

Từ năm 2003 đến 2006 củng cố ổn định và hoàn thiện bậc đào tạo Cao đẳng ở những ngành nghề đang đào tạo. Chuẩn bị chương trình nhân lực, cơ sở vật chất để nâng cấp trường thành Trường Đại học Mỹ thuật ứng dụng.

Từ 2006-2010, hoàn chỉnh để án trình Nhà nước nâng cấp trường thành Trường Đại học Mỹ thuật ứng dụng .



### **Chiến lược thực hiện của Trường Cao đẳng Mỹ thuật :**

#### **a) Từng bước đầu tư để phát triển năng lực toàn diện:**

\* Đầu tư cho “con người” là đầu tư phát triển, vì vậy hết sức chú trọng đầu tư năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ quản lý, phục vụ theo hướng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên trong vòng 5 đến 6 năm tới có đủ khả năng giảng dạy đại học.

\* Thực hiện chính sách thu hút nhân tài có trình độ học vấn và ngành nghề cao phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường ở mọi miền đất nước, nhất là những người ở Đồng Nai.

\* Đầu tư cơ sở vật chất và đầu tư chiều sâu trong thiết bị máy móc hiện đại, các phương tiện đồ dùng dạy học, xưởng thực hành.

\* Đầu tư thư viện hiện đại đảm bảo cho người học tự thu nhận thông tin có hệ thống, có tư duy phân tích tổng hợp, phát triển được năng lực cá nhân làm cho người học chủ động tự chủ trong quá trình học tập.

\* Đầu tư nơi ăn, ở, luyện tập thể dục thể thao cho học sinh, sinh viên để phát triển toàn diện “ đức, trí, thể, mỹ”.

\* Chuẩn hóa và hiện đại hóa hệ thống chương trình các ngành nghề đào tạo theo hướng liên thông các bậc học.

#### **b) Tăng cường hợp tác quốc tế:**

Để hội nhập công tác đào tạo giữa nước ta với quốc tế, trường chủ trương mở rộng cửa tiếp nhận các chương trình đào tạo hợp tác quốc tế, trao đổi học thuật giữa các nước, nhằm : Tận dụng nguồn tài nguyên về chương trình, giáo trình, kinh nghiệm và phương pháp đào tạo để đổi mới và phát triển.

Thông qua chương trình hợp tác quốc tế trường sẽ đưa giáo viên, là những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi có nguyện vọng làm giảng viên đi đào tạo để nâng cao trình độ, nhất là những ngành mới mở.

Thực hiện chương trình thực tập hợp tác giữa sinh viên của trường với sinh viên quốc tế ở trong và ngoài nước.

#### **c) Thực hiện mối liên kết giữa nhà trường với xã hội :**

Thực hiện quan điểm : “... Kết hợp giữa đào tạo và sử dụng. Thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, gắn liền với xã hội...” Trường chủ trương tăng cường liên kết với các cơ quan doanh nghiệp nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận với nhu cầu sử dụng. Qua mối liên kết này là điều kiện để học sinh thực tập và làm việc sau này.

d) Luôn luôn coi trọng chất lượng là hàng đầu, là “ xương sống” để giữ vững, phát triển trường đồng thời nâng cao sức cạnh tranh về đào tạo.

Luôn luôn phải đổi mới đồng bộ thường xuyên : cơ sở vật chất, chương trình giáo trình, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và quản lý sinh viên để tạo tiền đề nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, phục vụ tốt cho “ Sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa , chấn hưng đất nước, đưa đất nước phát triển nhanh chóng bền vững.”

#### **Kết luận :**

Đầu kỷ nguyên XX, Trường Mỹ nghệ Biên Hòa ra đời, đó là một trong những ngôi trường dạy nghề đầu tiên ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi mong muốn rằng đầu thế kỷ XXI, trường Mỹ nghệ Biên Hòa xưa trường thành là **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT ỨNG DỤNG ĐẦU TIÊN Ở PHÍA NAM**. Khó khăn không phải ít, song theo lời Bác Hồ dạy:

“Không có việc gì khó  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên”

Với quyết tâm cao, đoàn kết phát huy mọi nội lực và sự quan tâm giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương và toàn xã hội thì ước mong sẽ trở thành sự thật..

# PHỐI CẢNH TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH KHU THỂ THAO SINH VIÊN

